

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
HÌNH THỨC VỪA HỌC VỪA LÀM

Dành cho đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp trung cấp sư phạm,
ngành Giáo dục mầm non

Ban hành theo Quyết định số: 2100/QĐ-ĐHV ngày 14/11/2016 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Vinh

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 58)

NGHỆ AN, 7/2017

MỤC LỤC

TT		Trang
1	KHUNG CHƯƠNG TRÌNH	
2	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC	
	Toán cơ sở	
	Tâm lý học mầm non	
	Giáo dục học mầm non	
	Múa	
	PP nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDMN	
	Dinh dưỡng học trẻ em	
	Làm đồ chơi cho trẻ	
	Âm nhạc và PP Giáo dục âm nhạc cho trẻ	
	Văn học và PP cho trẻ LQTPVH	
	Tạo hình và PP tổ chức hoạt động tạo hình	
	Tiếng Việt và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ	
	Bệnh học trẻ em	
	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	
	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	
	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ	
	Quản lý trường mầm non	

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

Dành cho đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp Trung cấp sư phạm ngành GD mầm non

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2100/QĐ-ĐHV, ngày 14/11/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Phân kỳ	Khoa CN
1	CT023	Những n.lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Bắt buộc	3	40/5/90	1	GDCT
2	NN015	Tiếng Anh	Bắt buộc	3	40/5/90	1	GDCT
3	CT051	Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM HCM	Bắt buộc	2	22/8/60	1	Ngoại ngữ
4	GD308	Toán cơ sở	Bắt buộc	2	30/0/60	1	Giáo dục
5	GD260	Tâm lý học mầm non	Bắt buộc	5	65/10/150	1	Giáo dục
6	GD132	Giáo dục học mầm non	Bắt buộc	5	65/10/150	2	Giáo dục
7	SH001	Giải phẫu sinh lý trẻ em	Bắt buộc	2	25/5/60	2	Sinh học
8	GD172	Múa	Bắt buộc	3	35/10/90	2	Giáo dục
9	GD199	PP nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDMN	Bắt buộc	2	25/5/60	2	Giáo dục
10	GD118	Dinh dưỡng học trẻ em	Bắt buộc	3	40/5/90	2	Giáo dục
11	GD163	Làm đồ chơi cho trẻ	Bắt buộc	2	25/5/60	3	Giáo dục
12	GD095	Âm nhạc và PP Giáo dục âm nhạc cho trẻ	Bắt buộc	5	65/10/150	3	Giáo dục
13	GD322	Văn học và PP cho trẻ LQTPVH	Bắt buộc	3	40/5/90	3	Giáo dục
14	GD268	Tạo hình và PP tổ chức hoạt động tạo hình	Bắt buộc	3	40/5/90	3	Giáo dục
15	GD294	Tiếng Việt và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Bắt buộc	3	40/5/90	3	Giáo dục
16	GD100	Bệnh học trẻ em	Bắt buộc	3	40/5/90	4	Giáo dục
17	GD201	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	Bắt buộc	3	40/5/90	4	Giáo dục
18	GD193	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Bắt buộc	3	40/5/90	4	Giáo dục
19	GD196	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ	Bắt buộc	3	40/5/90	4	Giáo dục
20	GD243	Quản lý trường mầm non	Bắt buộc	2	30/0/60	4	Giáo dục
21	GD284	Thực tập sư phạm	Bắt buộc	5	0/(75)/150	5	Giáo dục
22	TN500	Thi tốt nghiệp	Bắt buộc	10	0/150/300	5	
		Tổng		75			

Môn thi tốt nghiệp:

1. Môn cơ sở: Tâm lý học mầm non và Giáo dục học mầm non (5TC)

2. Môn chuyên ngành: Tùy theo khóa học, chọn 2 trong 4 học phần sau:

1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
2. Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh
3. Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
4. Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ

Nghệ An, ngày 14 tháng 11 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Đinh Xuân Khoa

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN CƠ SỞ

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: **Phạm Thị Hải Châu**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học Toán

Địa chỉ: Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0238.3555488

2. Tên học phần: **TOÁN CƠ SỞ**

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ: **2**

5. Loại học phần: **Bắt buộc**

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 30
- Thảo luận: 0
- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:

- *Về kiến thức*: Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết tập hợp và số tự nhiên, hiểu được bản chất của một số khái niệm Toán học đơn giản, đồng thời biết vận dụng chúng vào quá trình dạy học và nghiên cứu ở bậc học mầm non.
- *Về kỹ năng*: Nắm được kỹ năng giải quyết các vấn đề một cách chặt chẽ, lôgic và vận dụng một cách thành thạo những nội dung lý thuyết đã học để giải toán.
- *Về thái độ*: Rèn luyện được tính chăm chỉ, cần cù, khả năng tư duy và sáng tạo; có tình cảm nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của người giáo viên.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm có bốn chương:

- Chương I: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản về tập hợp và các phép toán trên tập hợp, các quan hệ cơ bản trên tập hợp.

- Chương II: Nêu một số vấn đề về quan hệ hai ngôi và các tính chất của quan hệ hai ngôi.

- Chương III: Đưa ra một số khái niệm liên quan đến ánh xạ và một số tính chất của ánh xạ

- Chương IV: Đưa ra các khái niệm liên quan đến số tự nhiên như: bản số, tập hữu hạn, vô hạn, tập hợp số tự nhiên... Sau khi tìm hiểu các khái niệm đó chương này giới thiệu quan hệ thứ tự và các phép toán trên tập hợp số tự nhiên.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TẬP HỢP

(10/0/20)

1. Tập hợp

1.1. Khái niệm và ví dụ về tập hợp

1.2. Xác định một tập hợp

1.3. Tập rỗng - Tập đơn tử

1.4. Minh họa tập hợp

2. Quan hệ bao hàm

2.1. Tập con – Quan hệ bao hàm

2.2. Hai tập hợp bằng nhau

2.3. Một số tính chất của quan hệ bao hàm

3. Các phép toán trên các tập hợp

3.1. Phép hợp

3.2. Phép giao

3.3. Một số tính chất của phép hợp, phép giao

3.4. Phép trừ

3.5. Liên hệ giữa phép hợp, phép giao và phép trừ

Chương II: QUAN HỆ

(10/0/20)

1. Quan hệ

1.1. Tích Đề các của các tập hợp

1.2. Quan hệ hai ngôi

1.3. Một số tính chất của quan hệ hai ngôi

2. Quan hệ tương đương

2.1. Định nghĩa và ví dụ về quan hệ tương đương

2.2. Lớp tương đương

2.3. Một số tính chất của quan hệ tương đương

3. Quan hệ thứ tự

3.1. Định nghĩa và ví dụ về quan hệ thứ tự

- 3.2. Tập sắp thứ tự
- 3.3. Phần tử lớp nhất, nhỏ nhất

Chương III: ÁNH XẠ (10/0/20)

- 1. Ánh xạ
 - 1.1. Định nghĩa và ví dụ về ánh xạ
 - 1.2. Ảnh và tạo ảnh
- 2. Các ánh xạ đặc biệt
 - 2.1. Đơn ánh
 - 2.2. Toàn ánh
 - 2.3. Song ánh
- 3. Tích các ánh xạ
 - 3.1. Định nghĩa và ví dụ về tích các ánh xạ
 - 3.2. Một số tính chất của tích các ánh xạ
- 4. Ánh xạ ngược
 - 4.1. Định nghĩa và ví dụ về ánh xạ ngược
 - 4.2. Một số tính chất của ánh xạ ngược

Chương IV: SỐ TỰ NHIÊN

- 1. Tập hợp số tự nhiên
 - 1.1. Tập hợp tương đương – Bản số
 - 1.2. Tập hợp hữu hạn – Tập hợp vô hạn
 - 1.3. Số tự nhiên - Quan hệ thứ tự trên tập hợp số tự nhiên
 - 1.4. Số liền sau
- 2. Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên
 - 2.1. Phép cộng và phép nhân
 - 2.2. Phép trừ và phép chia

10. Học liệu:

- [1] Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiến Tài, *Tập hợp và logic số học*, NXB GD, 1997.
- [2] Phạm Thị Hải Châu, *Giáo trình Toán cơ sở (Dùng cho hệ vừa học vừa làm)*, ĐH Vinh, 2008.
- [3] Đinh Thị Nhung, *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội, 2001.
- [4] Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Văn Ngọc, *Số tự nhiên*, Trường ĐHSP Hà Nội I, 1994.
- [5] Lại Đức Thịnh, *Giáo trình số học*, NXB GD, 1997.
- [6] Hoàng Xuân Sính, *Đại số đại cương*, NXB GD, 1998.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải hoàn thành ít nhất 01 bài kiểm tra giữa học phần
- Dự thi kết thúc học phần: 1 bài.

12. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập:

- Lấy ví dụ về tập hợp, tập rỗng, tập đơn tử, tập con, hai tập bằng nhau.
- Lấy ví dụ về hai tập hợp và sau đó xác định các phép toán của hai tập hợp đó.
- Lấy ví dụ về quan hệ hai ngôi, quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự, xét các tính chất của mỗi quan hệ trên từng ví dụ. Sau đó tìm lớp tương đương của quan hệ tương đương; tìm phần tử lớn nhất, bé nhất của quan hệ thứ tự.
- Lấy ví dụ về ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh. Sau đó chứng minh ví dụ đưa ra là ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh.
- Lấy ví dụ về hai ánh xạ. Sau đó tìm ánh xạ tích của chúng.
- Lấy ví dụ về: hai tập hợp tương đương, tập vô hạn, tập hữu hạn (có chứng minh).
- Chứng minh một số tính chất của các phép toán có nêu trong tài liệu [2].

14. Ngày phê duyệt:**15. Cấp phê duyệt:**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ HỌC MẦM NON

1. Thông tin chung về giảng viên:

- Hồ Thị Hạnh

Học hàm, học vị: giảng viên chính, thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

Địa chỉ: Xóm 16 Hưng Lộc. Điện thoại: 038 3857666, DD: 0915 125 345

- Dương Thị Linh

Học hàm, học vị: giảng viên, thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

Địa chỉ: số 26B, ngõ 16, Nguyễn Viết Xuân, Hưng Dũng, Vinh. ĐT: 0904 727 472

- Phan Quốc Lâm

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

Địa chỉ: K6, Bến Thủy, Vinh, Nghệ An DD: 0912079483

- Dương Thị Thanh Thanh

Chức danh, học vị: Trưởng bộ môn, Giảng viên, tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

Điện thoại: 0904 768 538.

2. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC MẦM NON

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ : 5

5. Loại học phần: Bắt buộc, tiên quyết.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 65

- Thảo luận: 10

- Tự học: 150

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên có:

7.1. Kiến thức: Trang bị hệ thống tri thức khoa học đặc điểm tâm lý người nói chung và sự phát triển tâm lý, hình thành nhân cách của trẻ em lứa tuổi Mầm non (0 - 6 tuổi)

7.2. Kỹ năng: Hình thành và rèn luyện kỹ năng nhận biết tâm lý con người nói chung và trẻ em nói riêng. Biết tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

7.3. Thái độ: Hình thành hứng thú học tập môn học, tình yêu nghề, yêu trẻ.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Tâm lý học Mầm non nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non những vấn đề cơ bản, có hệ thống về bản chất, những đặc điểm chung của sự phát triển tâm lý và sự phát triển tâm lý trẻ em. Làm sáng tỏ quy luật hoạt động tâm lý và đặc điểm phát triển tâm lý ở trẻ em từ 0-6 tuổi.

Học phần tập trung vào vai trò quyết định của hoạt động chủ đạo trong từng giai đoạn phát triển. Người học có thể thấy được đặc điểm tâm lý chung và đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em trong mỗi giai đoạn phát triển, đồng thời thấy được cả quá trình phát triển của trẻ từ 0 - 6 tuổi. Từ đó rút ra những phương pháp giáo dục phù hợp nhất cho mỗi giai đoạn phát triển cũng như toàn bộ tiến trình lớn lên thành người của trẻ em.

9. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1. TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

- 1.1.1. Vài nét về sự hình thành của tâm lý học
- 1.1.2. Các lý thuyết chủ yếu trong tâm lý học hiện đại
- 1.1.3. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý

- 1.2.1. Bản chất của tâm lý người
- 1.2.2. Chức năng của tâm lý người
- 1.2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý người

1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học

- 1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận
- 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học

Chương 2. HOẠT ĐỘNG-GIAO TIẾP-NHÂN CÁCH

2.1. Hoạt động

- 2.1.1. Khái niệm hoạt động
- 2.1.2. Đặc điểm của hoạt động
- 2.1.3. Cấu trúc hoạt động
- 2.1.4. Phân loại hoạt động
- 2.1.5. Vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lý, nhân cách

2.2. Giao tiếp

- 2.2.1. Khái niệm giao tiếp
- 2.2.2. Vai trò của giao tiếp
- 2.2.3. Phân loại giao tiếp
- 2.2.4. Mối quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp

2.3. Nhân cách

- 2.3.1. Khái niệm nhân cách
- 2.3.2. Cấu trúc của nhân cách

2.3.3. Các thuộc tính điển hình của nhân cách

2.3.4. Sự hình thành nhân cách

Chương 3. LÝ LUẬN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM

3.1. Quan niệm về trẻ em

3.2. Sự phát triển tâm lý trẻ em

3.2.1. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em

3.2.2. Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý trẻ em

3.3. Các giai đoạn của sự phát triển tâm lý trẻ em

3.3.1. Khái niệm giai đoạn lứa tuổi

3.3.2. Sự phân chia giai đoạn lứa tuổi

Chương 4. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM TRONG 3 NĂM ĐẦU

4.1. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh và hài nhi (0 - 1 tuổi)

4.1.1. Đặc điểm phát triển của trẻ sơ sinh (0-2 tháng tuổi)

4.1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ hài nhi (2-12 tháng tuổi)

4.2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (1-3 tuổi)

4.2.1. Những thành tựu quan trọng nhất của trẻ ấu nhi

4.2.2. Sự phát triển nhận thức của trẻ ấu nhi

4.2.3. Những tiền đề của sự hình thành nhân cách của trẻ ấu nhi

Chương 5. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ MẪU GIÁO (Từ 3 đến 6 tuổi)

5.1. Sự phát triển cơ thể và vận động của trẻ mẫu giáo

5.2. Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo

5.2.1. Hoạt động chơi của trẻ mẫu giáo

5.2.2. Các dạng hoạt động khác của trẻ mẫu giáo

5.3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo

5.3.1. Đặc điểm phát triển tâm lý của mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)

5.3.2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)

5.3.3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)

5.4. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1

10. Học liệu:

[1] Tổ Tâm lý học (biên soạn), Bài giảng Tâm lý học Mầm non, Dành cho học viên ngành Giáo dục mầm non, hệ đào tạo vừa làm – vừa học, 2017.

Tài liệu tham khảo:

[1]. A. A. Liublinxkaia – Tâm lý học trẻ em tập 1, 2. NXB giáo dục, Matscova, 1971

[2]. A.V. Petropxcaia. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm. tập 1, 2, NXB giáo dục, Hà nội,

[3]. A.A. Giakharopva. Những cơ sở của giáo dục học học mẫu giáo, tập 1-2, NXB

[4]. Bộ giáo dục và đào tạo- Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ em các độ tuổi. Hà Nội, 2006.

- [5]. V.X. Mukhina. Tâm lý học Mẫu giáo tập 1 + 2. NXB Giáo dục, Hà nội, 1981
- [6]. V.X. Mukhina. Lớn lên thành người hoặc sự ra đời của nhân cách. NXB Giáo dục, Hà nội, 1984
- [7]. Nguyễn Ánh Tuyết. Tâm lý học trẻ em lứa tuổi Mầm non. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997
- [8]. Nguyễn Ánh Tuyết, Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông, NXB GD, HN 1998.
- [9]. Phạm Minh Hạc, tuyển tập tâm lý học. NXBGD 2002.
- [10]. Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập:

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

Địa chỉ: Khoa giáo dục- Đại học Vinh

Điện thoại: 0967586668/ 0915759177

2. Tên học phần: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ: 05

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 65

- Thảo luận: 10

- Tự học: 150

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, học viên sẽ có:

7.1. Kiến thức

- Những vấn đề chung của giáo dục học và vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay

- Những kiến thức về lý luận chung nhất của Giáo dục học mầm non: đối tượng, nhiệm vụ, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức chăm sóc – giáo dục trẻ ở lứa tuổi Mầm non, xu hướng giáo dục mầm non, chương trình GDMN trên thế giới và ở Việt nam

- Các vấn đề về trường mầm non và người giáo viên mầm non

- Hiểu biết về những đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non qua các giai đoạn lứa tuổi

- Có quan điểm khoa học đúng đắn về công tác CS-GD trẻ lứa tuổi mầm non

- Hiểu được những vấn đề cơ bản về LLGD, LLDH, và sự cần thiết chuẩn bị các điều kiện cho trẻ vào lớp 1.

7.2. Kỹ năng

- Có những kỹ năng cơ bản về chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non

- Vận dụng được kiến thức đã học để tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống dạy học và giáo dục khác nhau, biết giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác giáo dục

7.3. Thái độ

- Tình cảm tốt đối với nghề nghiệp

- Ý thức, trách nhiệm trong học tập và công việc, tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tự trau dồi những phẩm chất đạo đức cần thiết của người GV Mầm non như tính cẩn thận, kiên trì, chịu khó đặc biệt là lòng yêu mến trẻ.

8. Mô tả văn bản nội dung học phần

8.1. Giáo dục học

- Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học (đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản, các phương pháp của Giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục)

- Xu hướng GD mầm non, chương trình giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt nam

- Các vấn đề về trường mầm non và người giáo viên mầm non

8.2. Giáo dục học mầm non

8.2.1. Những vấn đề chung của Giáo dục học Mầm non

- Khái quát về Giáo dục học mầm non

- Các nội dung CS – GD trẻ mầm non

8.2.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non

- Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở trường mầm non

- Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi ở trường mầm non

- Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

- Dạy học ở trường Mầm non

9. Nội dung chi tiết môn học

PHẦN 1: GIÁO DỤC HỌC

(25 LT/ 0 TH/ 50 Tự học)

Chương 1 Giáo dục học là một khoa học

(6 LT/ 0 TH/ 10 Tự học)

1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt

1.1.1. Nguồn gốc của giáo dục, sự ra đời và phát triển của giáo dục học mầm non

1.1.2. Các tính chất của giáo dục

1.1.3. Các chức năng của giáo dục

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học

- 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học
- 1.2.2. Nhiệm vụ của Giáo dục học
- 1.2.3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học
- 1.2.4. Mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác
- 1.3. Các phương pháp của Giáo dục học**

Chương 2 Giáo dục và sự phát triển nhân cách (6 LT/ 0 TH/ 15 Tự học)

- 2.1. Sự phát triển nhân cách của con người**
 - 2.1.1. Khái niệm về con người, nhân cách
 - 2.1.2. Khái niệm về sự hình thành và phát triển nhân cách
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách**
 - 2.2.1. Bẩm sinh, di truyền
 - 2.2.2. Môi trường
 - 2.2.3. Giáo dục
 - 2.2.4. Hoạt động

Chương 3 Mục đích và nhiệm vụ giáo dục (6 LT/ 0 TH/ 10 Tự học)

- 3.1. Mục đích giáo dục**
 - 3.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục
 - 3.1.2. Mục đích của nền giáo dục XHCN Việt Nam
- 3.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam**
- 3.3. Nhiệm vụ của nền giáo dục XHCN Việt Nam**
 - 3.2.1. Nâng cao dân trí
 - 3.2.2. Đào tạo nhân lực
 - 3.2.3. Bồi dưỡng nhân tài
- 3.4. Vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt nam hiện nay**
 - 3.4.1. Đổi mới giáo dục trên thế giới
 - 3.4.2. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục ở Việt Nam

Chương 4 Một số vấn đề về trường mầm non và người giáo viên mầm non (7 LT/ 0 TH/ 15 Tự học)

- 4.1. Một số vấn đề về giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam**
 - 4.1.1. Giáo dục mầm non ở một số quốc gia trên thế giới

- 4.1.2. Giáo dục mầm non ở Việt Nam
 - 4.1.2.1. Vài nét về lịch sử giáo dục mầm non nước ta
 - 4.1.2.2. Bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay ở nước ta
- 4.1.3. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới ở nước ta
- 4.2. Người giáo viên mầm non**
 - 4.2.1. Vị trí, vai trò của GVMN
 - 4.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của GVMN
 - 4.2.3. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non
 - 4.2.4. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của GVMN (Hoặc: Chuẩn NN GVMN)

PHẦN 2 GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

(45 LT/ 10 TH/ 100 Tự học)

Chương 1 Những vấn đề chung của Giáo dục học mầm non

(20 LT/ 5 TH/ 50 Tự học)

1. Khái quát về Giáo dục học mầm non

(5 LT/ 0 TH/ 20 Tự học)

- 1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của GDH Mầm non
- 2. Mục tiêu, nguyên tắc giáo dục Mầm non
- 3. Nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non
- 4. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non
- 5. Một số quan niệm về nuôi dạy trẻ Mầm non và ý nghĩa của nó
- 6. Xu hướng đổi mới giáo dục mầm non hiện nay

2. Các nội dung chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non

(15LT/5 TH/ 30 Tự học)

2.1. Giáo dục thể chất

- 2.1.1. Ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
- 2.1.2. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
- 2.1.3. Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

2.2. Giáo dục trí tuệ

- 2.2.1. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non
- 2.2.2. Các nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non
- 2.2.3. Nội dung giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

2.3. Giáo dục đạo đức

- 2.3.1. Ý nghĩa giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

- 2.3.2. Các nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non
- 2.3.3. Nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non
- 2.3.4. Các nguyên tắc giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non
- 2.3.5. Các phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

2.4. Giáo dục thẩm mỹ

- 2.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non
- 2.4.2. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non
- 2.4.3. Nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non
- 2.4.4. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

2.5. Giáo dục lao động

- 2.5.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của giáo dục lao động
- 2.5.2. Đặc điểm và nội dung giáo dục lao động cho trẻ mẫu giáo
- 2.5.3. Các hình thức tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo
- 2.5.4. Những yêu cầu sư phạm khi tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo

Chương 2 Tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non (25LT/ 05 TH/ 50Tự học)

1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non

(5LT/ 0 TH/ 10 Tự học)

- 1.1. Vài nét về chế độ sinh hoạt
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Ý nghĩa
- 1.2. Tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở các nhóm lứa tuổi (3 – 12 tháng, 12 – 24 tháng, 24 – 36 tháng, 36 – 72 tháng)

2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi ở trường mầm non

(5LT/ 0 TH/ 10 tự học)

- 2.1. Khái niệm hoạt động với đồ vật và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ ấu nhi
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ ấu nhi
- 2.2. Nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ
 - 2.2.1. Nội dung tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ
 - 2.2.2. Phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ

3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non

(10 LT/ 5 TH/ 20 tự học)

- 3.1. Lí luận chung về hoạt động vui chơi
 - 3.1.1 Khái niệm hoạt động vui chơi
 - 3.1.2. Một số quan niệm khác nhau về hoạt động vui chơi
 - 3.1.3. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ tuổi MN
 - 3.1.4. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi
 - 3.1.5 Phân loại trò chơi của trẻ em
 - 3.1.6. Đồ chơi
- 3.2. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo
 - 3.2.1. Chơi là phương tiện giáo dục toàn diện cho trẻ MN
 - 3.2.2. Chơi là hình thức tổ chức đời sống của trẻ ở trường MN
 - 3.2.3. Mối quan hệ qua lại giữa chơi và lao động, chơi và học tập, chơi và hoạt động nghệ thuật của trẻ MN
- 3.3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở các thời điểm trong ngày theo hướng đổi mới

4. Dạy học ở trường mầm non

(5 LT/ 0 TH/ 10 Tự học)

- 4.1. Quá trình dạy học ở trường mầm non
 - 4.1.1. Dạy học ở Mẫu giáo và ý nghĩa của nó
 - 4.1.2. Các nhiệm vụ dạy học Mầm non
 - 4.1.3. Đặc điểm quá trình dạy học Mầm non
 - 4.1.4. Bản chất quá trình dạy học mầm non
- 4.2. Các nguyên tắc dạy học ở mầm non
 - 4.2.1. Khái niệm chung về các nguyên tắc dạy học
 - 4.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học Mầm non
- 4.3. Nội dung dạy học ở mầm non
 - 4.3.1. Khái niệm nội dung dạy học
 - 4.3.2. Nội dung dạy học cho trẻ Mầm non
- 4.4. Phương pháp dạy học ở mầm non
 - 4.4.1. Khái niệm chung về phương pháp dạy học
 - 4.4.2. Đặc điểm của phương pháp dạy học Mầm non
 - 4.4.3. Phân loại các nhóm phương pháp dạy học
 - 4.4.4. Vấn đề lựa chọn, vận dụng các phương pháp, biện pháp dạy học ở Mầm non.
- 4.5. Các hình thức dạy học ở mầm non
 - 4.5.1. Khái niệm và các hình thức tổ chức dạy học ở trường Mầm non
 - 4.5.2. Đặc điểm, cấu trúc và tiến trình của tiết học
 - 4.5.3. Công tác chuẩn bị của giáo viên
 - 4.5.4. Vấn đề đổi mới hình thức tổ chức dạy học ở Mầm non

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

- [1] Nguyễn Thị Quỳnh Anh, (2017), *Giáo trình bài giảng giáo dục học mầm non*
- [2]. Nguyễn Thị Quỳnh Anh, (2017), *Giáo trình bài giảng Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*
- [3]. Nguyễn Thị Hoà, (2009), *Giáo dục học mầm non*, Nxb ĐHSP
- [4]. Phạm Minh Hùng, Nguyễn Thị Hương, Thái Văn Thành, (2016), *Giáo trình Giáo dục học*, Nxb Đại học Vinh

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Thanh Âm (chủ biên), (2002), *Giáo dục học Mầm non*, Nxb ĐHSP HN
- [2] Phạm Thị Châu ..., (2006), *Giáo dục học mầm non*, Nxb ĐHQG Hà Nội
- [3] Nguyễn Thị Hoà, (2012), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, Nxb ĐHSP
- [4] Nguyễn Thị Oanh, (2009), *Tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục cho trẻ ở trường mầm non*, Nxb GD VN
- [5]. Nguyễn Thị Tuyết Oanh (Chủ biên), *Giáo trình Giáo dục học tập 1, 2*, NXB ĐHSP 2006
- [6] Đinh Văn Vang, (2012), *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục VN,
- [7] Đinh Văn Vang, (2008), *Giáo trình Giáo dục học Mầm non*, Nxb Giáo dục
- [8]. Phạm Viêt Vượng, *Giáo dục học*, NXBĐHQG HN 2002

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

PHẦN GIÁO DỤC HỌC

1. Nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các tính chất và chức năng cơ bản của giáo dục.
2. Chứng minh quá trình giáo dục là đối tượng của Giáo dục học
3. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

4. Tìm hiểu các nhiệm vụ của Giáo dục học, mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác (triết học Mác- Lê nin, XHH, Sinh lý học, Tâm lý học (đặc biệt là TLH lứa tuổi và sư phạm)
5. Tìm hiểu mục đích, mục tiêu giáo dục ; mục tiêu của các cấp học trong Hệ thống giáo dục quốc dân
6. Các nhiệm vụ của nền giáo dục XHCN Việt Nam
7. Tìm hiểu đặc điểm của thời đại và xu thế đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay
8. Nghiên cứu Luật giáo dục, chiến lược phát triển giáo dục
9. Tìm hiểu các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non.
10. Nghiên cứu lí do tại sao phải đổi mới căn bản toàn diện trong giáo dục trong hiện nay?

PHẦN GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. Tìm hiểu chương trình giáo dục mầm non hiện hành đang triển khai trên toàn quốc, đổi mới theo quan điểm tiếp cận nào?
2. Phân tích ý nghĩa và các quan điểm về CS – GD trẻ mầm non.
3. Phân tích ý nghĩa, nhiệm vụ của các nội dung: giáo dục thể chất, giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục lao động cho trẻ mầm non.
4. Phân tích ý nghĩa chủ đạo của các hoạt động: hoạt động giao lưu xúc cảm, hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi
5. Phân tích ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non: tổ chức chế độ sinh hoạt, tổ chức ngày hội ngày lễ, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1
6. Phân tích các nguyên tắc giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non
7. Để giáo dục và phát triển các giác quan cho trẻ, giai đoạn nào được gọi là “cơ hội vàng”?
8. Nguyên nhân của “khủng hoảng tuổi lên 3” và biện pháp khắc phục?
9. Nghiên cứu nội dung và phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non.
10. Nghiên cứu xu hướng đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÚA

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: **Đặng Thị Lê Na**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

Địa chỉ: Số nhà 10 – Bạch Liêu – Vinh – Nghệ An

Điện thoại nhà riêng: 02383855876

2. Tên học phần: Múa

3. Mã học phần: MN20019

4. Số tín chỉ : 3

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 35

- Thảo luận: 10

- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- *Về kiến thức:*

Học xong môn học này người học sẽ nắm được những kiến thức lí luận cơ bản của nghệ thuật múa. Hiểu được vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với sự phát triển toàn diện trẻ mầm non.

- *Về kĩ năng:*

Người học nắm vững và thực hiện thuần thục một số động tác cơ bản múa dân gian, dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Có kĩ năng biên đạo múa các bài hát cho trẻ em.

Có kĩ năng biên dạy múa cho trẻ mầm non.

- *Về thái độ:*

Người học có thái độ chuyên cần khi tham gia các buổi học trên lớp cũng như tự giác luyện tập ở nhà, siêng năng học hỏi, tìm tòi, sáng tạo.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần “Múa” được tiến hành giảng dạy sau khi sinh viên đã học xong các môn âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc. Học phần “Múa” trang bị cho sinh viên

những kiến thức cơ bản về lí luận múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non, hình thành ở họ vốn ngôn ngữ múa.

Nội dung học phần Múa bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Những lí luận cơ bản về nghệ thuật Múa
- Chất liệu múa dân gian, dân tộc cơ bản
- Phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non.

9. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1. Những lí luận cơ bản về nghệ thuật Múa

(Giảng lý thuyết: 10, Thực hành: 0, Tự học: 5)

1. Khái niệm chung về nghệ thuật múa.
2. Sơ lược nguồn gốc, sự hình thành và quá trình phát triển của nghệ thuật múa.
3. Đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa.
4. Các chức năng cơ bản của nghệ thuật múa
5. Phân loại nghệ thuật múa và các dạng múa ở trường mầm non.
6. Vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non.

Chương 2. Chất liệu múa dân gian, dân tộc cơ bản

(Giảng lý thuyết: 0, Thực hành: 20, Tự học: 30)

1. Một số kĩ năng múa cơ bản
 - 1.1. Kĩ năng mô phỏng
 - 1.2. Kĩ năng không chế
 - 1.3. Kĩ năng mềm dẻo
 - 1.4. Kĩ năng mở
 - 1.5. Kĩ năng quay, xoay
2. Chất liệu múa dân gian cơ bản
 - 2.1. Các thế tay, chân cơ bản
 - 2.2. Các bước cơ bản
 - 2.3. Phần tay không
 - 2.4. Phần mồm
 - 2.5. Phần quạt
3. Chất liệu múa dân tộc cơ bản
 - 3.1. Tổ hợp múa dân tộc H'Mông
 - 3.2. Tổ hợp múa dân tộc Tày
 - 3.3. Tổ hợp múa Tây Nguyên
 - 3.4. Tổ hợp múa dân tộc Thái
 - 3.5. Tổ hợp múa dân tộc Khome

Chương 3. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non

(Giảng lý thuyết: 5, Bài tập: 10, Tự học: 25)

1. Khái quát chung về nghệ thuật biên đạo múa
2. Phương pháp biên đạo múa
3. Thực hành biên đạo, dạy múa cho trẻ mầm non

10. Học liệu:

- Lê Trọng Canh, Khái luận nghệ thuật múa, NXB Văn hóa thông tin, 1997.
- Bộ giáo dục và đào tạo - Trường Cao đẳng nhà trẻ Mẫu giáo TW, Lí luận và phương pháp giáo dục âm nhạc trong trường mẫu giáo, 2007.
- Băng nhạc múa chất liệu.
- Các băng nhạc dành cho trẻ mầm non, Bộ Văn hóa thông tin.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên)

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.
- Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

Phần A. Câu 5 điểm:

1. Nghệ thuật múa là gì? Trình bày sơ lược nguồn gốc của nghệ thuật múa
2. Trình bày quá trình phát triển của nghệ thuật múa qua các thời kỳ? Cho ví dụ minh họa.
3. Phân tích đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa? Cho ví dụ minh họa.
4. Trình bày đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ múa? Cho ví dụ minh họa.
5. Trình bày các chức năng cơ bản của nghệ thuật múa đối với trẻ mầm non?
6. Phân loại nghệ thuật múa và các dạng múa ở trường mầm non.
7. Phân tích vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với sự phát triển của trẻ mầm non? Cho ví dụ minh họa.

Phần B. Câu 3 điểm:

1. Trình bày các kĩ năng cơ bản của nghệ thuật múa?
2. Động tác là gì? Biên soạn một số động tác phù hợp với âm nhạc?
3. Hình tượng là gì? Cách thức xây dựng hình tượng múa?
4. Tổ hợp là gì? Cách thức xây dựng một tổ hợp động tác múa?
5. Phân tích khả năng cảm nhận múa của trẻ mầm non?
6. Đội hình múa là gì? Mối quan hệ giữa đội hình múa và động tác múa?
7. Đoạn múa là gì? Bố cục của đoạn múa? Cho ví dụ minh họa.

Phần C. Câu 2 điểm:

1. Thế nào là múa sinh hoạt lễ hội? Ở trường mầm non múa sinh hoạt lễ hội được tổ chức như thế nào?
2. Ý tưởng múa phụ họa là gì? Cho ví dụ minh họa.
3. Thành phần cấu tạo một tác phẩm múa?
4. Múa minh họa là gì? Cho ví dụ minh họa.
5. Hoạt cảnh múa là gì? Cho ví dụ minh họa.
6. Vận động theo nhạc là gì? Các loại vận động theo nhạc?
7. Múa đơn trong múa tập thể là gì? Cho ví dụ minh họa.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: ***Chu Trọng Tuấn***

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, ThS

Hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

Địa chỉ: 19B, Ngô Trí Hòa, khối 5, phường Bến thủy, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912022174

2. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non

3. Mã học phần: GD 214

4. Số tín chỉ : 2

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 25

- Thảo luận: 5

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- Về kiến thức:

- Phát biểu và giải thích được các khái niệm cơ sở được sử dụng trong học phần: Khoa học, công nghệ, nghiên cứu khoa học (NCKH), nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non (KHGDMN), phương pháp luận, cơ sở phương pháp luận NCKH, phương pháp NCKH giáo dục...

- Trình bày được các phương pháp NCKH chuyên ngành GDMN (khái niệm, cách thực hiện) theo ba nhóm: các phương pháp nghiên cứu (PPNC) lý thuyết, các PPNC thực tiễn, các phương pháp sử dụng toán thống kê trong NC KHGDMN

- Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình NC KHGDMN.

- Về kỹ năng:

- Chọn được các đề tài nghiên cứu của KHGDMN phù hợp với yêu cầu của sinh viên đại học Sư phạm ngành Mầm non .

- Xây dựng được đề cương chi tiết cho một đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDMN.

- Lựa chọn và sử dụng được các PPNC để thực hiện đề tài. Xác định được phương pháp chủ đạo và cách phối hợp các phương pháp đã lựa chọn với nhau.

- Viết được văn bản công trình nghiên cứu nhỏ đúng quy cách và văn phong khoa học.

- Về thái độ:

- Có thái độ nghiêm túc và ham thích trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDMN

- Tích cực hưởng ứng và sẵn sàng tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDMN.

8. Mô tả văn tắt nội dung học phần:

TT	Nội dung	Lý thuyết	Thao luận	Tự học	Tổng
1	Chương 1: Nghiên cứu khoa học và phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	8	2	20	30
2	Chương 2: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	9	1	20	30
4	Chương 3: Quy trình thực hiện công trình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	8	2	20	30
5	Tổng	25	5	60	90
		2 tín chỉ			

9. Nội dung chi tiết môn học:

CHƯƠNG 1

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON

(LT: 8; TL: 2; TH: 20)

1.1. Một số vấn đề chung của nghiên cứu khoa học (NCKH) và nghiên cứu (NC) khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non (KHGDMN)

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

- Khoa học
- Công nghệ
- Nghiên cứu khoa học
- Nghiên cứu khoa học giáo dục (KHGD)

1.1.2. Mục đích, nội dung của NC KHGDMN

- Mục đích, ý nghĩa của NCKHGDMN
- Nội dung của NC KHGDMN

1.2. Các quan điểm về trẻ mầm non và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non

1.2.1. Quan điểm về trẻ em:

- Trẻ em là động vật
- Trẻ em là người lớn thu nhỏ lại
- Quan điểm của J.J.Rutxo về trẻ em: là thế giới bí ẩn, không thể hiểu được
- Quan điểm tâm lý học DVBC
 - Khái niệm trẻ em trên bình diện sinh vật: trẻ em là một cấu trúc hình thái người con non nớt, đang trên đà phát triển
 - Khái niệm trẻ em trên bình diện văn hóa :Trẻ em là một khái niệm lịch sử- văn hóa, luôn thay đổi cùng với sự thay đổi của nền văn hóa
 - Khái niệm trẻ em trên bình diện tâm lý cá nhân: trẻ em là một thực thể đang phát triển về tâm lý

1.2.2. Các quan niệm nghiên cứu trong việc giáo dục trẻ em:

- Trường phái hành vi
- Coi trẻ em là người lớn thu nhỏ lại
- Coi trẻ em là bất khả tri
- Quan điểm TLH DVBC

1.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non (trẻ em)

1.3.1. Phương pháp NCKH

1.3.2. Phương pháp hệ

1.3.3. Phương pháp luận

1.3.4. Một số quan điểm phương pháp luận NC KHGDMN

- Quan điểm phương pháp luận hệ thống
- Quan điểm phương pháp luận hoạt động
- Quan điểm phương pháp luận tích hợp
- Quan điểm phương pháp luận lịch sử
- Quan điểm phương pháp luận thực tiễn

CHƯƠNG 2

CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

(LT: 9; TL:1; TH: 20)

2.1. Bản chất của sự kiện tâm lý – sự phạm trong NC KHGDMN

2.1.1. Sự kiện tâm lý sự phạm là gì?

2.1.2. Những sự kiện tâm lý sự phạm cơ bản cần thu thập trong NC KHGDMN

2.2. Các phương pháp NC KHGDMN

2.2.1. Nhóm các PPNC lý thuyết

2.2.1.1 Chức năng

2.2.1.2. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết cụ thể

- a. PP phân tích- tổng hợp lý thuyết
- b. PP phân loại và hệ thống hoá lý thuyết
- c. PP cụ thể hoá lý thuyết
- d. PP giả thuyết
- e. PP chứng minh

2.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

2.2.2.1. Chức năng

2.2.2.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

- a. Quan sát
- b. PP thực nghiệm
- c. PP trắc nghiệm (test)
- d. PP điều tra
- e. PP nghiên cứu sản phẩm hoạt động
- g. PP đo lường xã hội
- h. PP trung cầu ý kiến chuyên gia
- i. PP tổng kết sáng kiến kinh nghiệm giáo dục

2.2.3. Nhóm phương pháp xử lý số liệu

2.2.3.1. Chức năng

2.2.3.2. Các dạng điểm

2.2.3.3. Điểm trung bình cộng và độ phân tán

- a. Điểm trung bình cộng
- b. Độ phân tán

2.2.3.4. Hệ số tương quan tuyến tính Pearson

2.3. Các nguyên tắc chỉ đạo việc sử dụng PPNC KHGDMN

CHƯƠNG 3

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

(LT:8; TL: 2; TH: 20)

3.1. Các bước tiến hành một công trình NC KHGDMN

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu

- Xác định đề tài nghiên cứu
- Xây dựng đề cương NCKH

3.1.2. Giai đoạn thực hiện công trình khoa học giáo dục mầm non

- Thu thập và xử lý các thông tin lý luận
- Thu thập và xử lý các tài liệu thực tiễn

- Tổ chức thực nghiệm khoa học

3.1.3. Giai đoạn hoàn thành quá trình nghiên cứu

3.2. Logic cấu trúc một công trình NC KHGDMN

- Luận đề
- Luận cứ
- Luận chứng

3.3. Đánh giá một công trình NC KHGDMN

3.3.1. Cơ sở để đánh giá một công trình NC KHGDMN

3.3.2. Phương pháp đánh giá một công trình NC KHGDMN

10. Học liệu (tham khảo và bắt buộc)

1. Vũ Cao Đàm, Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2003.
2. Đặng Vũ Hoạt, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 1989.
3. Phạm Minh Hùng, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ĐHSP Vinh, Vinh 2000.
4. Phạm Minh Hùng, Chu Trọng Tuấn. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, NXB GD Việt Nam. (*Bắt buộc*).
5. Mai Ngọc Luông, Lý Minh Tiên, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, NXB GD, 2006. (Sách của dự án phát triển giáo viên tiểu học).
6. Lưu Xuân Mới, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2003.
7. Chu Trọng Tuấn, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, Tủ sách Đại học Vinh, 2015. (*Bắt buộc*).
8. Nguyễn Cao Vân, Trần Thái Ninh, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB GD, 2002.
9. Phạm Viết Vượng, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, NXB GD, Hà Nội 2001.
10. Học viện quản lý giáo dục. Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, công chức nhà nước ngành Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội 2006 – Tập 1, 2, 3, 4.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày đặc trưng của nghiên cứu khoa học - công nghệ.
2. Trình bày các loại hình nghiên cứu khoa học - công nghệ.
3. Phân tích mục đích, ý nghĩa, nội dung nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.
4. Trình bày khái niệm, đặc điểm và sự phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học.
5. Trình bày các quan điểm phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.
6. Chỉ ra chức năng của từng nhóm phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, tên các phương pháp trong mỗi nhóm,
7. Trình bày nội dung, cách thực hiện các phương pháp NCKHGD MN sau đây: Chứng minh, Phân tích và tổng hợp lý thuyết, Giả thuyết, Quan sát, Đàm thoại.
8. Chọn một đề tài NCKHGD MN viết đề cương nghiên cứu cho đề tài đó.
9. Trình bày phương pháp đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DINH DƯỠNG TRẺ EM

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Sinh lý người; Dinh dưỡng người

Địa chỉ: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Điện thoại nhà riêng: 0913598706

2. Tên học phần: DINH DƯỠNG TRẺ EM

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ :03

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết:

- Thảo luận:

- Tự học: .

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- Về kiến thức:

+Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học dinh dưỡng nói chung và dinh dưỡng học trẻ em nói riêng.

+Có kiến thức về phương pháp nuôi dưỡng trẻ em, hợp lý từng độ tuổi, đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp bảo vệ sức khỏe thông qua dinh dưỡng.

- Về kỹ năng:

+ Tổ chức được hoạt động dinh dưỡng một cách khoa học cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.

+ Xây dựng được khẩu phần ăn, chế biến thực phẩm, kiểm tra khẩu phần ăn cho trẻ.

+ Biết theo dõi dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ em ở lứa tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và biết thao tác chăm sóc trẻ ăn uống khi khỏe mạnh và lúc ốm đau.

+ Vận dụng kiến thức đã học để làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng trong cộng đồng.

- Về thái độ:

- + Nhận thức được vị trí, vai trò của môn học trong khoá học.
- + Ý thức được vai trò, tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung, trẻ em nói riêng.
- + Tinh thần, thái độ tích cực, nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu các nội dung, vấn đề môn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Môn học gồm 3 phần chính

- Phần 1 là phần dinh dưỡng học cơ sở, phần này thông tin về khối kiến thức đại cương về dinh dưỡng học.
- Phần 2 đề cập đến các nội dung dinh dưỡng cho trẻ em và phương pháp tổ chức bữa ăn cho trẻ cũng như xây dựng khẩu phần thực đơn cho trẻ ở trường mầm non
- Phần 3 là phần dinh dưỡng cộng đồng, hướng dẫn đánh giá tình trạng dinh dưỡng, cung cấp kiến thức về các bệnh lý dinh dưỡng thường gặp ở trẻ em và đề cập đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

9. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1: DINH DƯỠNG HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Phân loại các chất dinh dưỡng
2. Nhu cầu năng lượng
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Cách xác định nhu cầu năng lượng
3. Nhu cầu các chất dinh dưỡng cần thiết
 - 3.1. Protein
 - 3.2. Lipid
 - 3.3. Glucid
 - 3.4. Vitamin và chất khoáng

Chương 2: DINH DƯỠNG TRẺ EM THEO LỨA TUỔI

1. Dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và nuôi con bú
 - 1.1. Nhu cầu dinh dưỡng
 - 1.2. Chăm sóc và dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và nuôi con bú
2. Dinh dưỡng cho trẻ em dưới 1 tuổi
 - 2.1. Nhu cầu dinh dưỡng
 - 2.2. Nuôi con bằng sữa mẹ
 - 2.3. Cho trẻ ăn bổ sung
3. Dinh dưỡng cho trẻ em 1 - 3 tuổi
 - 3.1. Nhu cầu dinh dưỡng
 - 3.2. Phương pháp nuôi dưỡng trẻ 1-3 tuổi
4. Dinh dưỡng cho trẻ em 4 - 6 tuổi

4.1. Nhu cầu dinh dưỡng

4.2. Phương pháp nuôi dưỡng trẻ 4-6 tuổi

Chương 3: XÂY DỰNG KHẨU PHẦN, THỰC ĐƠN VÀ TỔ CHỨC BỮA ĂN CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON

1. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ

1.1. Khái niệm khẩu phần và thực đơn

1.2. Nguyên tắc chung để xây dựng khẩu phần và thực đơn ở nhà trẻ và mẫu giáo

1.3. Các bước xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non

1.4. Xây dựng một khẩu phần thực đơn cho trẻ mầm non

2. Tổ chức bữa ăn cho trẻ ở trường mầm non

2.1. Tổ chức bữa ăn ở bếp

2.2. Tổ chức bữa ăn ở nhóm/lớp

2.3. Tổ chức bữa ăn trong toàn trường

Chương 4: MỘT SỐ BỆNH LÝ DINH DƯỠNG THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM

1. Suy dinh dưỡng Protein-Năng lượng

1.1. Nguyên nhân suy dinh dưỡng

1.2. Phân loại suy dinh dưỡng

1.3. Triệu chứng suy dinh dưỡng

1.4. Các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng

2. Thiếu máu do thiếu sắt

2.1. Nguyên nhân thiếu máu do thiếu sắt

2.2. Chẩn đoán thiếu máu thiếu sắt

2.3. Hậu quả sức khỏe

2.4. Phòng chống thiếu máu thiếu sắt

3. Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt

3.1. Ý nghĩa thời sự của vấn đề

3.2. Nguyên nhân

3.3. Biểu hiện lâm sàng và đánh giá tình trạng thiếu vitamin A

3.4. Phòng chống thiếu vitamin A

4. Bướu cổ do thiếu hụt iốt

4.1. Nguyên nhân

4.2. Phân loại

4.3. Phòng chống bệnh bướu cổ

5. Bệnh còi xương

5.1. Nguyên nhân và biểu hiện của bệnh

5.2. Phòng bệnh còi xương

6. Thừa cân - béo phì ở trẻ em

6.1. Định nghĩa

- 6.2. Cách xác định thừa cân và béo phì ở trẻ em
- 6.3. Các nguy cơ béo phì đơn thuần ở trẻ em
- 6.4. Các hậu quả của béo phì
- 6.5. Điều trị trẻ bị béo phì

Chương 5: VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Đại cương vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm với sức khỏe con người
 - 1.3. Nguyên nhân ngộ độc thực phẩm
2. Ngộ độc thực phẩm
 - 2.1. Ngộ độc do thức ăn nhiễm vi sinh vật và độc tố của vi sinh vật
 - 2.2. Ngộ độc do thức ăn bị biến chất
 - 2.3. Ngộ độc do bản thân thức ăn có sẵn chất độc
 - 2.4. Ngộ độc do thức ăn bị ô nhiễm các chất độc hoá học, hoá chất bảo vệ thực vật, kim loại nặng, các hoá chất phụ gia thực phẩm
 - 2.5. Xử lý khi có ngộ độc thức ăn
3. Bảo quản thực phẩm
 - 3.1. Bảo quản thực phẩm bằng nhiệt độ
 - 3.2. Bảo quản bằng phương pháp làm khô thực phẩm
 - 3.3. Bảo quản thực phẩm bằng muối và đường
 - 3.4. Bảo quản bằng cách điều chỉnh PH của thực phẩm
 - 3.5. Bảo quản thực phẩm bằng các chất sát khuẩn, bằng các tác nhân lý học
 - 3.6. Bảo quản thực phẩm bằng đóng hộp
4. Bảo quản – chế biến thức ăn hợp vệ sinh

10. Học liệu:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Nguyễn Ngọc Hiền, Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2015.
- 10.2. Tài liệu tham khảo
 1. Trường Đại học Y Hà Nội. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học Hà Nội, năm 2004.
 2. Nguyễn Kim Thanh. Giáo trình dinh dưỡng trẻ em. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.
- Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

1. Hãy nêu tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với cơ thể người, đối với trẻ em.
2. Tính nhu cầu năng lượng cả ngày cho bản thân (ghi rõ tên, tuổi, số kg thể trọng, tính chất lao động).
3. Hãy nêu vai trò, nhu cầu và nguồn thực phẩm giàu protein, lipid và glucid.
4. Hãy nêu rõ vai trò, nhu cầu, nguồn thực phẩm giàu chất calci, phosphor, sắt.
5. Hãy nêu vai trò, nhu cầu, nguồn thực phẩm cung cấp vitamin A, D, vitamin nhóm B và vitamin C.
6. Trình bày cách chăm sóc và chế độ ăn uống cho người mẹ trong thời kỳ có thai và cho con bú.
7. Vì sao phải cho trẻ ăn thức ăn bổ sung? Thời gian bắt đầu cho ăn và nguyên tắc cho trẻ ăn bổ sung hợp lý.
8. Trình bày giá trị dinh dưỡng của sữa mẹ. Tại sao lại cần thiết phải nuôi con bằng sữa mẹ?
9. Trình bày chế độ dinh dưỡng cho trẻ dưới 1 tuổi khi trẻ thiếu hoặc không có sữa mẹ.
10. Các loại sữa trên thị trường hiện nay được chia làm mấy nhóm? Trình bày các nhóm sữa và cách pha sữa cho trẻ.
11. Hãy nêu cơ chế bài tiết sữa mẹ và các yếu tố ảnh hưởng đến tiết sữa của bà mẹ nuôi con bú, vận dụng như thế nào để tăng và duy trì lượng sữa của bà mẹ cho trẻ bú?
12. Tại sao nói sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng hoàn hảo nhất cho trẻ?
13. Trình bày cách cho trẻ bú mẹ đúng và hiệu quả.
14. Trình bày nhu cầu dinh dưỡng và cách nuôi trẻ từ 1 - 3 tuổi.
15. Trình bày nhu cầu dinh dưỡng và cách nuôi trẻ từ 4 - 6 tuổi.
16. Trình bày khái niệm khẩu phần và thực đơn. Nêu những nguyên tắc chung xây dựng khẩu phần, thực đơn ở nhà trẻ và mẫu giáo.
17. Nêu các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn và thực hành xây dựng một thực đơn mẫu 1 tuần cho trẻ mẫu giáo.
18. Hãy xây dựng một khẩu phần ăn cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo (4-6 tuổi) ở trường mầm non với thực đơn do Anh (Chị) đề xuất.
19. Trình bày cách thức tổ chức bữa ăn ở trường mầm non.
20. Anh (Chị) hãy xây dựng một bản hướng dẫn tổ chức bữa ăn tại nhóm/lớp trường mầm non.
21. Trình bày nguyên nhân, cách phân loại suy dinh dưỡng và cách phòng chống bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em.

22. Trình bày nguyên nhân, cách xác định thừa cân, béo phì và cách phòng chống thừa cân, béo phì ở trẻ em.
23. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng chống bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở trẻ em.
24. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng chống bệnh còi xương do thiếu vitamin D ở trẻ em.
25. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng chống bệnh khô mắt do thiếu vitamin A ở trẻ em.
26. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng chống bệnh bướu cổ do thiếu iốt.
27. Hãy nêu các nhóm nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm.
28. Nêu các phương pháp bảo quản thực phẩm thông thường.
29. Trình bày cách bảo quản và chế biến thức ăn hợp vệ sinh.
30. Trình bày cách xử lý thông thường trong ngộ độc thực phẩm.
31. Trình bày các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ trong các trường mầm non.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÀM ĐỒ CHƠI CHO TRẺ

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Nghệ thuật tạo hình, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ chơi cho trẻ.

Địa chỉ: Tổ Giáo dục tiểu học – Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Điện thoại di động: 0914360229

2. Tên học phần: LÀM ĐỒ CHƠI CHO TRẺ

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ : 02

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 25

- Thảo luận: 05

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức:* - Học phần “Làm đồ chơi cho trẻ” trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức lý luận cơ bản và kỹ thuật làm đồ chơi cho trẻ mầm non (MN).

- *Về kỹ năng:* - SV biết vận dụng các kiến thức lý luận cơ bản và thực tiễn vào việc thiết kế, thực hiện tạo ra được các mẫu đồ chơi và đồ dùng dạy học tiêu biểu ở trường mầm non bằng các vật liệu đa dạng, phục vụ cho công tác dạy học, trang trí lớp.

- Sinh viên tự tìm hiểu được nội dung chương trình, đọc tài liệu.

- *Về thái độ:* - Sinh viên có ý thức học tập, tích cực, kiên trì, cẩn thận và có sáng tạo trong công việc, có lòng yêu nghề, yêu trẻ.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần “Làm đồ chơi cho trẻ” bao gồm những kiến thức lý luận cơ bản về đồ chơi và kỹ thuật làm đồ chơi cho trẻ (Các khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi. Trong đó bao gồm các loại đồ chơi: Đồ chơi học tập; Đồ chơi phản ánh sinh hoạt; Bồi giấy theo khuôn; Đồ chơi sân khấu và âm nhạc; đồ chơi trang trí và hài hước; Đồ chơi xây dựng). Từ cơ sở các kiến thức lý luận trên, SV biết vận dụng và tạo ra được các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ MN.

9. Nội dung chi tiết môn học:

LÀM ĐỒ CHƠI CHO TRẺ

(Tỉ lệ 25 LT/05 TL/ 60 tự học)

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỒ CHƠI VÀ KỸ THUẬT LÀM ĐỒ CHƠI CHO TRẺ MẦM NON

1. Cơ sở lý luận về đồ chơi

- 1.1. Khái niệm về đồ chơi.
- 1.2. Phân biệt đồ chơi và đồ dùng dạy học.
- 1.3. Đặc điểm, phân loại đồ chơi cho trẻ mầm non.
- 1.4. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi trong trường mầm non.
- 1.5. Nguyên tắc phân bố và bảo quản đồ chơi trong trường mầm non.

2. Nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi cho trẻ

- 2.1. Nguyên tắc làm đồ chơi cho trẻ mầm non.
- 2.2. Yêu cầu về nguyên vật liệu và dụng cụ làm đồ chơi.
- 2.3. Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi.

Chương 2. ĐỒ CHƠI HỌC TẬP

1. Giới thiệu về đồ chơi học tập

- 1.1. Khái niệm về đồ tập.
- 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi học tập cho trẻ mầm non.
- 1.3. Nguyên liệu và dụng cụ để làm đồ chơi học tập.

2. Hướng dẫn cách làm đồ chơi học tập.

- 2.1. Cách làm tranh ghép.
- 2.2. Cách làm đồ chơi lô tô
- 2.3. Cách làm đồ chơi đô mi nô
- 2.4. Cách làm tranh bù chỗ còn thiếu.
- 2.5. Cách làm bộ xâu hạt, cài cúc.
- 2.6. Cách làm bộ lồng hộp

3. Cách sử dụng

Chương 3. ĐỒ CHƠI PHẢN ÁNH SINH HOẠT

1. Giới thiệu về đồ chơi phản ánh sinh hoạt

- 1.1. Khái niệm về đồ chơi phản ánh sinh hoạt.
- 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi phản ánh sinh hoạt cho trẻ mầm non.
- 1.3. Nguyên liệu và dụng cụ.

2. Hướng dẫn cách làm đồ chơi phản ánh sinh hoạt.

- 2.1. Cách làm các con vật bằng bìa.
- 2.2. Cách làm búp bê bằng giấy bìa.
- 2.3. Cách làm các con vật bằng vải.

3. Cách sử dụng

Chương 4. BỒI GIẤY THEO KHUÔN

1. Một số vấn đề cơ bản về bồi giấy theo khuôn.

- 1.1. Khái niệm về bồi giấy theo khuôn
- 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của bồi giấy theo khuôn.
- 1.3. Chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ và khuôn mẫu.

2. Hướng dẫn cách bồi giấy theo khuôn.

- 2.1. Cách bồi bên trong khuôn mẫu
- 2.1. Cách bồi bên ngoài khuôn mẫu

3. Cách sử dụng

Chương 5. ĐỒ CHƠI SÂN KHẤU VÀ ÂM NHẠC

1. Giới thiệu về đồ chơi sân khấu và âm nhạc

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi sân khấu âm nhạc
- 1.3. Nguyên liệu và dụng cụ.

2. Hướng dẫn cách làm đồ chơi sân khấu âm nhạc

- 2.1. Cách làm rối tay
- 2.2. Cách làm rối dẹt
- 2.3. Cách làm mũ múa
- 2.4. Cách làm mặt nạ
- 2.5. Cách làm một số dụng cụ bằng bìa, giấy, tre

3. Cách sử dụng

Chương 6. ĐỒ CHƠI TRANG TRÍ VÀ HÀI HƯỚC

1. Giới thiệu về đồ chơi trang trí và hài hước

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi trang trí và hài hước
- 1.3. Nguyên vật liệu và dụng cụ

2. Hướng dẫn cách làm đồ chơi trang trí và hài hước

- 2.1. Cách làm các loại hoa giấy
- 2.2. Cách làm đèn lồng quả trám
- 2.3. Cách làm quả cầu trang trí
- 2.4. Cách gấp, vẽ và cắt con chim bồ câu
- 2.5. Cách đan túi quả tim
- 2.6. Cách làm em bé bập bênh
- 2.7. Cách gấp, vẽ, cắt con ngựa bập bênh

3. Cách sử dụng

Chương 7. ĐỒ CHƠI XÂY DỰNG

1. Giới thiệu về đồ chơi xây dựng ở trường mầm non

1.1. Khái niệm

1.2. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi xây dựng

1.3. Nguyên vật liệu và dụng cụ

2. Hướng dẫn cách làm đồ chơi xây dựng

2.1. Cách làm đồ chơi xếp bằng các loại hạt hạt

2.2. Cách làm bộ đồ chơi xếp que

2.3. Cách làm bộ đồ chơi xếp khối bằng bìa

2.4. Cách làm một số loại đồ chơi khác

3. Cách sử dụng

10. Học liệu:

10.1. Học liệu chính:

1. Đặng Hồng Nhật (2000) *Làm đồ chơi*, NXBĐHQG Hà Nội.

10.2. Học liệu tham khảo:

1. Nguyễn Lăng Bình (1997) *Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ mầm non*, NXBHK và CN, Hà Nội.

2. Origami (2003) *Nghệ thuật xếp giấy Nhật Bản* – NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Hạnh (1992) *Thêu – Rùa – Trung tâm lao động hướng nghiệp* – Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.

- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.

- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.

- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập:

Câu 1: Trình bày cách làm con ngựa gỗ bập bênh. Minh họa bằng hình vẽ.

Câu 2: Trình bày cách làm con mèo bằng giấy bìa. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 3: Trình bày cấu tạo, cách làm, cách chơi tranh cắt rời để lắp hình. Minh họa bằng hình vẽ.

Câu 4: Trình bày cách làm em bé bập bênh. Minh họa bằng hình vẽ.

Câu 5: Trình bày kỹ thuật gấp, vẽ, cắt chim bồ câu. Minh họa bằng hình vẽ.

Câu 6: Trình bày cách làm con vịt bằng giấy bìa. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 7: Thế nào là đồ chơi hiện đại, đồ chơi dân tộc? Cho biết tác dụng của các loại đồ chơi đó.

Câu 8: Trình bày nguyên tắc làm đồ chơi và phân loại đồ chơi trong trường mầm non.

Câu 9: Trình bày cách làm, cách chơi bộ cài cúc. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 10: Thế nào là đồ chơi xây dựng? Trình bày ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi xây dựng cho trẻ mầm non.

Câu 11: Thế nào là đồ chơi phản ánh sinh hoạt? Trình bày cách may lợn con bằng vải. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 12: Thế nào là đồ chơi trang trí và hài hước? Trình bày cách làm các kiểu mũ múa. Minh họa mũ múa bằng các con vật và tô màu.

Câu 13: Thế nào là tranh bù chỗ còn thiếu? Trình bày cấu tạo, cách làm, cách chơi tranh bù chỗ còn thiếu. Minh họa bằng hình vẽ các con vật sống ở dưới nước và tô màu (Kích thước 18 cm x 18cm).

Câu 14: Thế nào là đồ chơi học tập? Trình bày cách làm, cách chơi đồ chơi lô tô. Minh họa bằng hình vẽ các con thú sống trong rừng và tô màu.

Câu 15: Nêu ý nghĩa tác dụng của đồ chơi sân khấu và âm nhạc. Cho biết cách làm mặt nạ khối. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 16: Đồ chơi là gì? Trình bày cách làm, cách may thỏ con bằng vải. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 17: Thế nào là mặt nạ? Trình bày cấu tạo, cách làm mặt nạ phẳng. Minh họa mặt nạ bằng các con vật và tô màu.

Câu 18: Thế nào là đồ chơi sân khấu và âm nhạc? Trình bày cách làm, cách điều khiển rối tay cho trẻ mầm non. Minh họa bằng hình vẽ con rối, cách điều khiển con rối và tô màu.

Câu 19: Trình bày cấu tạo, cách làm, cách chơi đồ chơi đô- mi- nô. Minh họa bằng hình vẽ các con côn trùng và tô màu.

Câu 20: Trình bày ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi trang trí và hài hước cho trẻ mầm non. Cho biết kỹ thuật gấp đèn lồng quả trám. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 21: Trình bày cách làm con gà trống bằng giấy bìa. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 22: Trình bày cách làm hoa cẩm chướng bằng giấy. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 23: Trình bày cách làm, cách chơi bộ lồng hộp. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 24: Trình bày cách làm hoa sen bằng giấy. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 25: Trình bày cách làm búp bê bằng giấy bìa. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 26: Trình bày cách làm hai kiểu quả cầu trang trí. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 27: Trình bày cách đan túi quả tim. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 28: Thế nào là bồi giấy theo khuôn? Trình bày ý nghĩa, tác dụng và cách thể hiện bồi giấy theo khuôn. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 29: Trình bày cách làm hoa hồng bằng giấy. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

Câu 30: Trình bày cách làm, cách may gà mái ấp. Minh họa bằng hình vẽ và tô màu.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC/TỪ XA
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ÂM NHẠC VÀ PP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Mai Tuấn Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Âm nhạc chuyên ngành

Địa chỉ: Xuân An - Nghi Xuân - Hà Tĩnh

Điện thoại nhà riêng: 0913531015

2. Tên học phần: ÂM NHẠC VÀ PP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ

3. Mã học phần: GD095

4. Số tín chỉ :5

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 65

- Thảo luận: 10

- Tự học: 150

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- *Về kiến thức:* Học xong môn học này, người học sẽ:

+ Hiểu được các kí hiệu trên bản nhạc, biết đọc tên, ghi nốt lên khuông nhạc. Nắm được cấu tạo các loại hợp âm.

+ Biết phân tích tác phẩm âm nhạc, nắm được cấu trúc bài hát, kĩ thuật ca hát và phương pháp sử dụng đàn organ

+ Hiểu vai trò của AN đối với sự phát triển nhân cách trẻ và nhiệm vụ của người GV.

+ Hiểu được PP giáo dục AN cho trẻ mầm non

+ Biết thiết kế bài soạn và tiến hành dạy các loại tiết.

-*Về kỹ năng:*

+ Đọc bản nhạc một cách thành thạo.

+ Hát đúng nhạc, biết vận dụng kỹ thuật trong ca hát và đánh được một số bài trong chương trình quy định.

+ Nắm vững các kỹ năng thực hành AN, cách soạn các loại giáo án.

+ Biết gây hứng thú cho trẻ và thực hiện tốt các tiết dạy.

-*Về thái độ:*

+ Có ý thức trau dồi chuyên môn, chịu khó trong học tập. Yêu nghề, yêu trẻ và luôn phấn đấu để trở thành người GV giỏi.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

9. Nội dung chi tiết môn học:

PHẦN 1. ÂM NHẠC(2 tín chỉ)

(Tỉ lệ LT/TL/TH: 25/5/60)

Chương 1: NHẠC LÝ

1.1. Âm nhạc, các kí hiệu thường dùng trong âm nhạc

1.1.1. Đặc điểm của âm thanh âm nhạc

1.1.2. Khuông khóa, hình nốt, dấu lặng

1.2. Phách - Nhịp

1.2.1. Phách, các dạng phách

1.2.2. Nhịp, các loại nhịp

1.3. Cung - Quãng

1.3.1. Cung, nửa cung

1.3.2. Dấu hoá

1.3.3. Quãng

1.4. Điệu thức–Gam - Giọng

1.4.1. Điệu thức, các loại điệu thức

1.4.2. Gam, giọng, cách xác định giọng

1.4.3. Tìm hoá biểu gam giọng

1.5. Hợp âm

1.5.1. Khái niệm, các loại hợp âm

1.5.2. Hợp âm ba, hợp âm ba chính

1.5.3. Hợp âm bảy át

1.5.4. Đảo hợp âm

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC HÀNH ÂM NHẠC

2.1. Sơ lược về thể loại và hình thức âm nhạc

2.1.1. Thể loại, hình thức âm nhạc

2.1.2. Hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn.

2.1.3. Phân tích bài hát

2.2. Kỹ thuật hát

2.2.1. Hít thở, lấy hơi, nhả chữ, pha trộn âm thanh

2.2.2. Hát liền giọng, ngắt giọng, tạo độ vang

2.2.3. Trình bày tác phẩm

2.3. Đàn organ

2.3.1. Cấu tạo bàn phím, quy định số ngón

2.3.2. Cách bấm ngón tay phải, tay trái, gam Đô trưởng

2.3.3. Cách đánh bài hát

PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP (3 tín chỉ)

(Tỉ lệ LT/TL/TH: 40/5/90)

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Những vấn đề chung

1.1.1. Quan điểm sư phạm tích hợp

1.1.2. Đổi mới tổ chức giáo dục trong lớp

1.1.3. Đổi mới tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày

1.2. Chủ đề và hướng dẫn thực hiện

1.2.1. Giới thiệu chủ đề

1.2.2. Nội dung chủ đề

1.2.3. Kế hoạch thực hiện

Chương 2. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC

2.1. Nội dung hoạt động ÂN theo chương trình cải cách

2.1.1. Nội dung chương trình

2.1.2. Tiết học

2.2. Nội dung hoạt động Âm nhạc theo hướng đổi mới

2.2.1. Một số vấn đề đổi mới trong GDAN cho trẻ

2.2.2. Nội dung chương trình

2.2.3. Tiết học

Chương 3. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC Ở TRƯỜNG MẦM NON

3.1. Ca hát

3.1.1. Ý nghĩa giáo dục của hoạt động ca hát

3.1.2. Kỹ năng ca hát

3.1.3. Các bước tiến hành dạy hát

3.2. Vận động theo nhạc

3.2.1. Ý nghĩa của vận động theo nhạc

3.2.2. Kỹ năng vận động

3.2.3. Các khái niệm trong vận động vận động

3.2.4. Các bước tiến hành dạy vận động

3.3. Nghe nhạc

3.3.1. Ý nghĩa của nghe nhạc

3.3.2. Các bước tiến hành dạy nghe nhạc

3.4. Trò chơi âm nhạc

3.4.1. Ý nghĩa của trò chơi âm nhạc

3.4.2. Các bước tổ chức chơi cho trẻ

Chương 4. THIẾT KẾ BÀI SOẠN VÀ TẬP DẠY

4.1. Thiết kế bài soạn

4.1.1. Thiết kế bài soạn GD âm nhạc theo chủ đề

4.1.2. Tiến trình dạy

4.2. Tập dạy

4.2.1. Tập dạy trên lớp học

4.2.2. Tập dạy ở trường mầm non

10. Học liệu

Bắt buộc:

1. Mai Tuấn Sơn, Âm nhạc 1, ĐH Vinh 2005
2. Mai Tuấn Sơn, Âm nhạc 2, ĐH Vinh 2005
3. Mai Tuấn Sơn, *Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2016.

Tham khảo:

1. Ngô Thị Nam (chủ biên), *Âm nhạc và PPGD âm nhạc* tập 2, Bộ GD&ĐT 1996
2. Phạm Thị Hòa, *Giáo trình Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, Nxb GD 2009
3. Lê Tuấn Anh (chủ biên), *Giáo trình âm nhạc* tập 1, Nxb ĐHSPT 2010

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

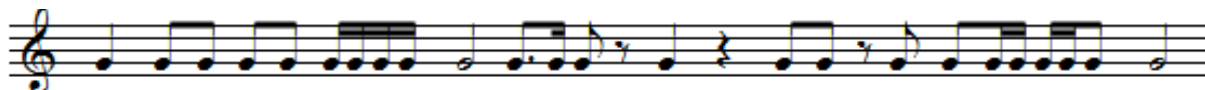
Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập (Đề nghị Giảng viên biên soạn hệ thống câu hỏi ôn tập và ngân hàng đề thi sẽ biên soạn trên cơ sở các câu hỏi này)

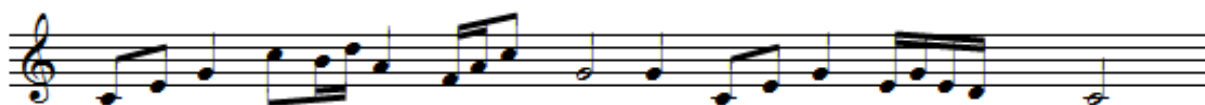
PHẦN 1. ÂM NHẠC

Chương 1: NHẠC LÝ

1. Nêu những thuộc tính của âm thanh âm nhạc
2. Thế nào là phách, nhịp? Cho ví dụ.
3. Nêu ý nghĩa của số chỉ nhịp, phân biệt sự khác nhau giữa nhịp đơn, nhịp kép.
4. Viết phách nguyên và các dạng phách chia của nhịp 2/4.
5. Phân phách và vạch nhịp 2/4 cho tiết tấu sau:



6. Vạch nhịp 2/4 cho câu nhạc sau:



7. Nêu tên và số cung các quãng trong phạm vi quãng 8 đô - đô
8. Thành lập các quãng 2t, 2T, 3t, 3T, 3+, 3-, 4Đ, 4+, 5Đ, 5+, 6t, 6T, 6+, 6-, 7t, 7T, 7+, 7- từ nốt: Đô, Đô thăng, Rê, Rê thăng
9. Thế nào là gam, giọng, điệu? Cho ví dụ.
10. Nêu các bước tìm hoá biểu. Tìm hoá biểu gam: Gdur, Ddur, Em, Bm
11. Thế nào là hợp âm ba, hợp âm bảy? cho ví dụ.
12. Thế nào là hợp âm ba chính, hợp âm bảy át? Cho ví dụ.
13. Xác định các hợp âm ba chính, bảy át của các giọng: Đô trưởng, Đô thứ, Rê trưởng, Rê thứ, Fa trưởng, Son trưởng, La thứ.
14. Viết thể gốc và các thể đảo hợp âm 3 chủ, 3 hạ át, 7 át của giọng Cdur, Cm, Ddur, Dm, F, G, Am, Eb, Db, F#m, Bb, Ab

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC HÀNH ÂM NHẠC

1. Thế nào là thể loại, hình thức âm nhạc? Cho ví dụ.
2. Thế nào là hình thức một đoạn đơn? Cho ví dụ. Vẽ sơ đồ hình thức một đoạn đơn cân phương, không cân phương.
3. Thế nào là hình thức hai đoạn đơn? Cho ví dụ. Vẽ sơ đồ hình thức hai đoạn đơn.
4. Thế nào là mô típ, tiết nhạc, câu nhạc, đoạn nhạc? Cho ví dụ.
5. Hiểu thế nào là nhịp điệu, giọng, điệu? Nêu tác dụng của việc xác định nhịp điệu, giọng điệu bài hát.
6. Thế nào là tiết tấu, câu nhạc, câu hát? Cho ví dụ.
7. Hãy trình bày cách hít thở, lấy hơi trong ca hát.
8. Hãy trình bày cách nhả chữ, pha trộn âm thanh trong ca hát.

9. Thế nào là hát liền âm, ngắt nảy âm
10. Hiểu thế nào là độ vang giọng hát?

PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON

1. Thế nào là tích hợp? Hãy nêu những quan điểm về tích hợp.
2. Nêu vai trò của các góc hoạt động?
3. Nêu những nguyên tắc bố trí góc hoạt động?
4. Trình bày những kỹ năng mà trẻ học được ở các góc.
 5. Nêu nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ.
 6. Hiểu thế nào là mạng chủ đề, mạng nội dung? Cho ví dụ.
 7. Kể tên các chủ đề thường được áp dụng ở trường mầm non.

Chương 2: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC

1. Trình bày nội dung, cấu trúc tiết học cho nhóm dưới ba tuổi.
2. Trình bày nội dung, cấu trúc tiết học cho nhóm ba đến năm tuổi.
 3. Phân biệt sự khác nhau cơ bản của tiết học giữa các độ tuổi.
 4. Hãy nêu những vấn đề đổi mới trong giáo dục âm nhạc cho trẻ?
 5. Nêu sự khác nhau cơ bản về phương pháp dạy hát theo cải cách và theo hướng đổi mới.
 6. Nêu sự khác nhau cơ bản về phương pháp dạy vận động theo cải cách và theo hướng đổi mới.
 7. Nêu những điểm khác nhau về nội dung, cách tiến hành loại tiết 1 trọng tâm với tiết 2 trọng tâm.

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC Ở TRƯỜNG MẦM NON

1. Nêu ý nghĩa giáo dục của ca hát đối với trẻ.
2. Hãy nêu các kỹ năng cần luyện tập khi dạy trẻ hát
3. Hãy phân tích các bước tiến hành dạy trẻ hát?
4. Hãy trình bày các biện pháp sửa sai khi dạy trẻ hát.
5. Nêu ý nghĩa giáo dục của vận động theo nhạc đối với trẻ.
6. Hãy trình bày các kỹ năng cần luyện tập khi dạy vận động.
7. Phân biệt khái niệm: dạng vận động, cách vận động, động tác vận động, bài vận động.
8. Nhìn bản nhạc, viết tiết tấu các cách vỗ tay cho các bài hát nhịp 2/4.
9. Nhìn lời ca, viết tiết tấu các cách vỗ tay cho các bài hát nhịp 2/4.

10. Hãy phân tích các bước tiến hành dạy vận động cho lớp bé và nhà trẻ.
11. Hãy phân tích các bước tiến hành dạy vận động cho lớp nhỡ và lớn.
12. Nêu ý nghĩa của việc cho trẻ nghe nhạc?
13. Nêu các bước tiến hành cho trẻ nghe nhạc?
14. Nêu ý nghĩa của trò chơi âm nhạc đối với trẻ.
15. Hãy nêu phương pháp tổ chức trò chơi cho trẻ.

Chương 4. THIẾT KẾ BÀI SOẠN VÀ TẬP DẠY

1. Hãy nêu nội dung thiết kế bài soạn GD âm nhạc theo chủ đề (tự chọn chủ đề và độ tuổi).
3. Soạn các loại giáo án cho các độ tuổi.
4. Tập dạy theo nhóm, tổ sinh viên.
5. Tập diễn đạt lời nói, cử chỉ, điệu bộ cho từng nội dung tiết dạy.
6. Tập các kỹ năng lấy giọng, bắt nhịp, trình diễn bài hát.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

VĂN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phan Xuân Phần

Chức danh: Hiệu trưởng trường Thực hành Sư phạm

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ văn

Địa chỉ: Trường Thực hành Sư phạm, Đại học Vinh

Điện thoại nhà riêng: 02383 518856

2. Tên học phần: VĂN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với hoạt động:

Giờ lý thuyết: 40

Thảo luận: 5

Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- Về kiến thức:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của văn học trẻ em Việt Nam.

Nắm được cơ sở lý luận cũng như các phương pháp cơ bản khi tiến hành cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

Hiểu được đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mẫu giáo.

Nắm được các nguyên tắc dạy học phù hợp khi cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

Nắm được nội dung, chương trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học ở mỗi lứa tuổi.

- Về kỹ năng:

Hình thành kỹ năng biết tổ chức hoạt động, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giáo trình

Có kỹ năng tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

Biết soạn giáo án cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

- **Về thái độ:**

Cần xác định đúng vai trò to lớn của môn học đối với quá trình giáo dục trẻ em. Hình thành lòng yêu thích văn học và tôn trọng những giá trị của nó

Tin tưởng vào cơ sở lý luận khoa học của bộ môn, hệ thống phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

Thấy được vai trò to lớn của môn PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong sự hình thành nhân cách và giáo dục trẻ.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn *Văn học và phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* cung cấp kiến thức cho người học một có hệ thống về nội dung, quá trình hình thành và phát triển của nền văn học trẻ em Việt Nam. Từ đó thấy được vai trò và tác dụng của nó trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Môn *Văn học và phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, bao gồm: Những vấn đề về cơ sở lý luận của bộ môn, hiểu được đặc điểm tâm lý cũng như đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non; từ đó nắm vững được các các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức, các loại bài loại tiết, biết soạn giáo án và biết tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

9. Nội dung chi tiết môn học:

PHẦN I: Chương I : Khái quát về văn học trẻ em

1.1. Khái niệm về văn học trẻ em

1.2. Các bộ phận cấu thành

1.3. Đặc điểm của văn học trẻ em Việt Nam

1.4. Ý nghĩa và nhiệm vụ của văn học trẻ em.

Chương II : Khái quát về văn học dân gian Việt Nam.

2. 1. Khái niệm văn học dân gian

2.2. Đặc trưng của văn học dân gian.

2.3. Phân loại văn học dân gian.

2.4. Vai trò tác dụng của văn học dân gian.

Chương III: Truyện cổ và thơ ca dân gian phù hợp với nhận thức của trẻ.

3.1. Thần thoại và truyền thuyết:

3.2. Truyện cổ tích:

3.3. Truyện ngụ ngôn:

3.4. Ca dao đồng dao:

3.5. Câu đố

Chương IV: Văn học viết cho trẻ em

I. Khái quát về văn học viết cho trẻ em

1. Vài nét về văn học viết cho trẻ em trước cách mạng tháng tám 1945

2. Thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1945 -1954)
3. Thời kỳ miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1955 – 1964).
4. Thời kỳ cả nước chống xâm lược Mỹ (1965 – 1975).
5. Thời kỳ đất nước thống nhất.

II. Một số tác giả tiêu biểu

1. Nguyễn Huy Tưởng
2. Tô Hoài
3. Phạm Hồ
4. Võ Quảng
5. Đoàn giỏi

III. Sáng tác thơ của trẻ em

1. Trẻ em với thơ ca
2. Thơ của trẻ em trong những năm chống xâm lược Mỹ
3. Giới thiệu tác giả Trần Đăng Khoa
 - 3.1. Giới thiệu tác giả
 - 3.2. Nội dung cơ bản của thơ Trần Đăng Khoa
 - 3.3. Nghệ thuật trong thơ Trần Đăng Khoa

PHẦN II: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ LÀM QUEN

VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

I. KHOA HỌC VỀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với ngành giáo dục Mầm non
2. Xây dựng chương trình, quan niệm của các nhà giáo dục về văn học dành cho trẻ em.
3. Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là một khoa học.
 - 3.1. Đối tượng
 - 3.2. Nhiệm vụ
 - 3.3. Phương pháp nghiên cứu.
 - 3.4. Mối liên hệ của môn phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học với các khoa học khác.

II. KHÁI NIỆM LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

III. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM, VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON.

1. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần mở rộng nhận thức, phát triển trí tuệ cho trẻ.
2. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục đạo đức.

3. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục thẩm mỹ
4. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần phát triển ngôn ngữ.
5. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học phát triển ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm.

IV. NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON.

1. Nội dung chương trình làm quen với văn học ở trường mầm non
2. Kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với văn học.

IV. ĐẶC ĐIỂM TIẾP NHẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC CỦA TRẺ EM

1. Đặc trưng của tiếp nhận văn học nghệ thuật
2. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ

CHƯƠNG II:

CÁC NGUYÊN TẮC, HÌNH THỨC PHƯƠNG PHÁP CƠ BẢN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON

I. NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN TÁC PHẨM VĂN HỌC CHO TRẺ EM

1. Bản chất và đặc trưng của tác phẩm văn học
2. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em

II. CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của chủ thể tiếp nhận (trẻ)
2. Đảm bảo tính vừa sức
3. Đảm bảo tính sư phạm, hệ thống trong kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.
4. Phải đảm bảo sự gợi cảm thẩm mỹ, hứng thú.
5. Hướng trẻ vào cảm nhận giá trị nội dung, hình thức của tác phẩm văn học.
6. Tích hợp nội dung hướng vào mục tiêu giáo dục, đặc biệt văn học và ngôn ngữ trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.
7. **Thống nhất các nguyên tắc, phối hợp các phương pháp, biện pháp.**

III. Các phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

1. Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật.
 - 1.1. Đọc diễn cảm:
 - 1.2. Kể diễn cảm
2. Trao đổi gợi mở - trò chuyện với trẻ về tác phẩm văn học
3. Sử dụng các phương tiện trực quan.
4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON

I. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KỂ CHO TRẺ NGHE TRUYỆN

1. Hoạt động kể cho trẻ nghe truyện với giáo dục trẻ em
2. Tư cách thực hiện

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỌC TRUYỆN CHO TRẺ

1. Hoạt động đọc truyện với giáo dục trẻ em.
2. Cách thức thực hiện

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ KỂ LẠI TRUYỆN

1. Hoạt động dạy trẻ kể lại truyện với giáo dục trẻ em
2. Cách thức thực hiện

IV. Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe.

1. Hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe với giáo dục trẻ em
2. Cách thức thực hiện

V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ ĐỌC THUỘC THƠ ĐIỂN CẢM

1. Hoạt động đọc thuộc thơ điển cảm với giáo dục trẻ em
2. Cách thức thực hiện

VI. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ HỌC THUỘC TỤC NGŨ, CA DAO, ĐỒNG GIAO

1. Tục ngữ, ca dao, đồng dao với giáo dục trẻ em
2. Cách thức thực hiện

VII. TỔ CHỨC TRÒ CHƠI ĐÓNG KỊCH DỰA THEO TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học
2. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học với giáo dục trẻ em
3. Quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch

10. Học liệu

1. Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phan Thị Việt - Đại cương văn học – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Trần Đức Ngôn, Dương Thu Hương – Văn học thiếu nhi Việt Nam - Trường ĐHSP I Hà Nội – 1994
3. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên – Lịch sử văn học Việt Nam – Tập II- NXB
4. Các tác phẩm của các tác giả được học trong chương trình.
5. Vân Thanh – Văn học thiếu nhi hôm nay – Tạp chí văn học số 6 – 1978.
6. Lã Thị Bắc Lý – Truyện viết cho thiếu nhi sau 1975 – NXB Đại học quốc gia – Hà Nội 2000.
7. Các tác phẩm của các tác giả được học trong chương trình.
8. M.K.Bogoliupxkaia, V.V.Septsenkô, Đọc và kể chuyện văn học ở vườn trẻ, NXB giáo dục, 1976.

9. Nguyễn Duy Bình, Văn học thiếu nhi trong tiến trình đổi mới, Tạp chí Văn học, số 5, 1993.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non chu kì II (2004-2007), quyển 1, 2, NXB Giáo dục, 2004.
11. Bộ giáo dục và Đào tạo, chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi, (Dự thảo) dự án đổi mới chương trình và sách giáo khoa, Hà Nội, tháng 4 năm 2004.
12. Trần Đức Ngôn, Dương Thu Hương, Giáo trình văn học thiếu nhi Việt Nam, NXB ĐH Sư Phạm, 2005.
13. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB ĐHQG Hà Nội, 2006.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập :

Câu 1: Ý nghĩa của đồng dao đối với đời sống trẻ em?

Câu 2: Nêu các đặc điểm của văn học thiếu nhi?

Câu 3: Phân biệt ca dao với dân ca?

Câu 4: Vì sao nói: Đồng dao là một trong những thể loại đến với trẻ em sớm nhất?

Câu 5: Ý nghĩa của văn học dân gian đối với đời sống trẻ em?

Câu 6: Truyện cổ tích là gì? Nội dung chủ yếu của truyện cổ tích Việt Nam?

Câu 7: Hãy chỉ ra những đặc điểm khác nhau giữa thần thoại và truyền thuyết.

Câu 8: Trong các thể loại của văn học dân gian thể loại nào có ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ em? Vì sao?

Câu 9: Thần thoại là gì? Nội dung và ý nghĩa của thần thoại thần thoại đối với đời sống trẻ em..

Câu 10: Truyền thuyết là gì? Nội dung và ý nghĩa của truyền thuyết đối với đời sống trẻ em.

Câu 11: Nội dung của một số bộ phận ca dao phù hợp với trình độ nhận thức của các em?

Câu 12: “ Truyền thuyết dân gian bồi dưỡng trẻ thơ lòng tự hào dân tộc” Bằng những dẫn chứng cụ thể anh (chị) hãy chứng minh nhận định trên.

Câu 13: Hãy nêu nội dung và ý nghĩa của câu đố đối với đời sống trẻ em.

- Câu 14: Nội dung và đặc điểm sáng tác của Tô Hoài viết cho trẻ em?
- Câu 15: Câu 1: Thế nào là cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học?
- Câu 16: Nêu đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mẫu giáo?
- Câu 17: Nêu các nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 18: Nêu ý nghĩa của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 19: Trình bày một số đặc điểm tâm lý liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ.
- Câu 20: Nêu các hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 21: Nêu cấu trúc của tiết học “Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”.
- Câu 22: Tóm tắt nội dung các phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 23: Trình bày các nguyên tắc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 24: Trình bày các bước tiến hành của của “Trò chơi đóng kịch” dựa theo tác phẩm văn học.
- Câu 25: Vì sao nói: Phương pháp đọc, kể diễn cảm là phương pháp chủ đạo trong quá trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 26: Hãy phân tích mối quan hệ giữa quá trình sư phạm thứ nhất với quá trình sư phạm thứ hai trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- Câu 27: Hãy nêu những yêu cầu về phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TẠO HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Nghệ thuật tạo hình, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ chơi cho trẻ.

Địa chỉ: Tổ Giáo dục tiểu học – Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Điện thoại di động: 0914360229

2. Tên học phần: TẠO HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ : 03

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 40

- Thực hành: 05

- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần:

- **Về kiến thức:** Sinh viên (SV) nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về tạo hình và phương pháp (PP) tổ chức hoạt động tạo hình (HĐTH)

* Kiến thức tạo hình gồm:

- Sinh viên nắm được những kiến thức lý luận cơ bản và cần thiết về nghệ thuật tạo hình (NTTH) từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn (hình hoạ, hội hoạ, đồ hoạ trang trí, điêu khắc...)

* Kiến thức PPTCHĐTH gồm:

- SV nắm được các kiến thức lý luận cơ bản: khái niệm về hoạt động tạo hình (HĐTH), Đặc điểm, Vai trò của HĐTH, Chương trình HĐTH ở trường mầm non, PP và hình thức tổ chức HĐTH và các PP dạy học vẽ, nặn, xé, cắt dán.

- **Về kỹ năng:**

SV có được những kỹ năng cơ bản, cần thiết của tạo hình và PPTCHĐTH.

*. Kỹ năng tạo hình:

- SV làm được các bài tập thực hành NTTH (vẽ, nặn, xé cắt dán...) theo yêu cầu.

*. Kỹ năng PPTCHĐTH:

- Tìm hiểu nội dung chương trình, những tài liệu có liên quan đến môn học

- Tìm hiểu đối tượng trẻ ở các độ tuổi trong lớp, nhóm mà mình trực tiếp đảm nhận.

- Lập kế hoạch tổ chức HĐTH, thiết kế các kiểu bài dạy, tiến hành tổ chức hoạt động vẽ, nặn, xé, cắt dán theo từng thể loại.

- Nhận xét, đánh giá giờ dạy.

- Tự nghiên cứu, tiếp cận với công việc và sự thay đổi của chương trình sách giáo khoa.

- **Về thái độ:** - Sinh viên thấy được vai trò của NTTH đối với cuộc sống, và có thị hiếu thẩm mỹ tốt, biết thưởng thức, nhận thức và sáng tạo ra cái đẹp.

- SV có ý thức học tập, rèn luyện nghiệp vụ, tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm trong công việc, luôn trau dồi phẩm chất đạo đức của người giáo viên trong tương lai như yêu nghề, mến trẻ,...

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: *Tạo hình (TH) và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình (PPTCHĐTH)* là học phần bắt buộc đối với sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN). Gồm 2 khối kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết là:

- Tạo hình gồm những khái niệm cơ bản của TH, những kiến thức, kỹ năng cơ bản của Luật xa gần, Giải phẫu tạo hình, Hình hoạ, Hội hoạ, Đồ hoạ trang trí, Điêu khắc ...Tạo hình là nội dung tiên quyết của PPTCHĐTH cho trẻ mẫu giáo.

- PPTCHĐTH gồm các khái niệm cơ bản của các hoạt động vẽ, nặn, xé, cắt dán; Vai trò của hoạt động tạo hình (HĐTH) đối với sự phát triển của trẻ; Chương trình HĐTH ở trường mầm non; PP và hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mẫu giáo và PP tổ chức hoạt động vẽ, nặn, xé, cắt dán theo các thể loại cho trẻ mẫu giáo.

9. Nội dung chi tiết môn học:

PHẦN 1. NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

(Tỉ lệ 10 LT/ 05 TH/30 tự học)

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Nghệ thuật

1.2. Mỹ thuật (MT)

1.3. Nghệ thuật tạo hình (NTTH)

2. Ngôn ngữ tạo hình.

2.1. Điểm, đường nét

2.2. Hình, mảng, khối

2.3. Bố cục

2.4. Màu sắc

3. Vai trò của NTTH và đời sống con người

4. Lược sử MT

Chương 2. LUẬT XA GẦN VÀ GIẢI PHẪU TẠO HÌNH

1.. Luật xa gần (LXG)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Một số đường, điểm cơ bản của luật xa gần
- 1.3. Ứng dụng LXG trong sáng tác mỹ thuật
- 1.4. Vai trò của luật xa gần

2. Giải phẫu tạo hình (GPTH)

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Kiến thức cơ bản của luật xa gần

3. Thực hành

Chương 3. HÌNH HỌA

1. Khái niệm

2. Các bước tiến hành vẽ hình họa

- 2.1. Quan sát, nhận xét mẫu
- 2.2. Các bước dựng hình
- 2.3. Cách đánh bóng tạo khối

3. Phương tiện, chất liệu vẽ hình họa

- 3.1. Phương tiện
- 3.2. Chất liệu

4. Thực hành

Chương 4. ĐỒ HỌA – TRANG TRÍ

1. Đồ họa

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Ngôn ngữ đồ họa
- 1.3. Thể loại đồ họa

2. Trang trí.

- 2.1. Khái niệm trang trí cơ bản
- 2.2. Bộ cục trang trí cơ bản
- 2.3. Họa tiết và màu sắc trang trí
- 2.4. Phương pháp vẽ bài trang trí
- 2.5. Cách dùng màu.

4.3. Thực hành

Chương 5. HỘI HỌA

- 1. Khái niệm**
- 2. Ngôn ngữ, chất liệu và các thể loại tranh**
 - 2.1. Ngôn ngữ
 - 2.2. Chất liệu
 - 2.3. Các thể loại tranh
- 3. Vẽ theo đề tài và vẽ theo ý thích**
 - 3.1. Vẽ theo đề tài
 - 3.2. Vẽ theo ý thích
- 4. Xé, cắt dán**
- 5. Thực hành**

Chương 6. ĐIÊU KHẮC

- 1. Một số khái niệm cơ bản**
 - 1.1. Điêu khắc
 - 1.2. Tượng
 - 1.3. Phù điêu
 - 1.4. Chạm lõng
- 2. Một số hình thức tạo hình điêu khắc cơ bản**
 - 2.1. Nặn
 - 2.2. Tạc
 - 2.3. Đúc
 - 2.4. Gò
- 3. Thực hành**

PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH (Tỉ lệ 30 LT/ 0 TH/60 tự học)

Chương 1

VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

- 1. Hoạt động tạo hình (HĐTH)**
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Nhiệm vụ của HĐTH
- 2. Đặc điểm những giai đoạn phát triển khả năng tạo hình của trẻ.**
 - 2.1. Giai đoạn tiền tạo hình
 - 2.2. Giai đoạn phát triển
 - 2.3. Giai đoạn tạo hình
- 3. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục toàn diện.**

- 3.1. Giáo dục trí tuệ
 - 3.2. Giáo dục đại đức
 - 3.3. Giáo dục thẩm mỹ
 - 3.4. Giáo dục thể chất
 - 3.5. Giáo dục lao động
- 4. Hoạt động tạo hình chuẩn bị cho trẻ bước vào trường phổ thông.**

Chương 2

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TRƯỜNG MẦM NON

- 1. Mục đích của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**
- 2.. Nguyên tắc xây dựng chương trình**
 - 2.1. Tính khoa học
 - 2.2. Tính thống nhất giữa các nhiệm vụ giáo dục và dạy học
 - 2.3. Tính vừa sức
 - 2.4. Tính ý thức
 - 2.5. Tính kế tục, hệ thống
 - 2.6. Tính thống nhất giữa lý thuyết và thực tiễn
 - 2.7. Tính giáo dục cá biệt
- 3. Cấu tạo chương trình cụ thể**
 - 3.1. Hoạt động vẽ
 - 3.2. Hoạt động nặn
 - 3.3. Hoạt động xé, cắt dán

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HĐTH CHO TRẺ MẪU GIÁO

- 1. Khái niệm về phương pháp dạy tạo hình cho trẻ**
- 2. Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ**
 - 2.1. Nhóm PP trực quan
 - 2.2. Nhóm PP dùng lời nói
 - 2.3. Nhóm PP thực hành
 - 2.4. Thủ thuật
- 3. Hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mẫu giáo**
 - 3.1. Các giờ học trên lớp
 - 3.2. Hoạt động tạo hình ngoài giờ học
 - 3.3. Hoạt động tạo hình trong gia đình
- 4. Những điều kiện cần thiết để tổ chức HĐTH cho trẻ**

- 4.1. Điều kiện cần thiết cho hoạt động vẽ
- 4.2. Điều kiện cần thiết cho hoạt động nặn
- 4.3. Điều kiện cần thiết cho hoạt động xé, cắt dán

Chương 4

PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẼ CHO TRẺ MẪU GIÁO

- 1. Vai trò của hoạt động vẽ đối với sự phát triển của trẻ**
- 2. Đặc điểm hoạt động vẽ của trẻ**
 - 2.1. Đặc điểm vẽ của trẻ 3 – 4 tuổi
 - 2.2. Đặc điểm vẽ của trẻ 4 - 5 tuổi
 - 2.3. Đặc điểm vẽ của trẻ 5 - 6 tuổi
- 3. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động vẽ theo mẫu**
 - 3.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 3.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi
 - 3.3. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi
- 4. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động vẽ theo đề tài**
 - 4.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 4.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi
 - 4.3. Đối với trẻ 5 – 6 tuổi
- 5. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động vẽ trang trí**
 - 5.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 5.2. Đối với trẻ 4 -5 tuổi
 - 5.3. Đối với trẻ 5 -6 tuổi
- 6. Soạn giáo án**

Chương 5

PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NẶN CHO TRẺ MẪU GIÁO

- 1. Vai trò của hoạt động nặn đối với sự phát triển của trẻ**
- 2. Đặc điểm hoạt động nặn của trẻ**
 - 2.1. Đặc điểm nặn của trẻ 3 – 4 tuổi
 - 2.2. Đặc điểm nặn của trẻ 4 - 5 tuổi
 - 2.3. Đặc điểm nặn của trẻ 5 - 6 tuổi
- 3. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mẫu giáo bé.**
 - 3.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 3.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi
 - 3.3. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi

- 4. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mẫu giáo nhỏ**
 - 4.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 4.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi
 - 4.3. Đối với trẻ 5 – 6 tuổi
- 5. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mẫu giáo lớn**
 - 5.1. Đối với trẻ 3 – 4 tuổi
 - 5.2. Đối với trẻ 4 -5 tuổi
 - 5.3. Đối với trẻ 5 -6 tuổi
- 6. Soạn giáo án.**

Chương 6

PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NẶN CHO TRẺ MẪU GIÁO

- 1. Vai trò của hoạt động xé, cắt dán đối với sự phát triển của trẻ**
- 2. Nguyên liệu và dụng cụ xé, cắt dán**
- 3. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động xé, cắt dán cho trẻ mẫu giáo bé.**
 - 3.1. Nhiệm vụ, nội dung
 - 3.2. Phương pháp
- 4. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động xé, cắt dán cho trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn.**
 - 4.1. Nhiệm vụ, nội dung
 - 4.2. Phương pháp dạy học xé, cắt dán cho trẻ 4 – 5 tuổi
 - 4.3. Phương pháp dạy học xé, cắt dán cho trẻ 5 -6 tuổi

5. Soạn giáo án.

10. Học liệu:

10.1. Tạo hình:

*** Học liệu chính:**

1. Lê Đình Bình (2002) *Tạo hình và PPHDHĐTH cho trẻ em, Quyển 1*, NXB ĐHQG Hà Nội.

*** Học liệu tham khảo:**

1. Đặng Bích Ngân (2002) *Từ điển thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông* NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Duy Lâm, Đặng Thị Bích Ngân (2001) *Màu sắc và phương pháp vẽ màu*, NXBVH-TT.
3. Chu Quang Trứ (1998) *Lịch sử Mỹ thuật và Mỹ thuật học*, NXBGD.
4. Nguyễn Bá Vân, Chu Quang Trứ (1984) *Tranh dân gian Việt Nam* - NXB Văn hoá.

10.2. PPTCHĐTH

*** Học liệu chính:**

1. Nguyễn Thị Thanh Giang (2008) *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, Trường Đại học Vinh.
2. Lê Hồng Vân (2001) *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em – Quyển III – Phương pháp hướng dẫn HĐTH cho trẻ* - NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Lê Thanh Thủy (2003) *Phương pháp dạy trẻ HĐTH cho trẻ mầm non* – NXB ĐHSP Hà Nội.

*** Học liệu tham khảo:**

1. NP. Xa. Culina (1987) *Phương pháp dạy trẻ HĐTH và chấp ghép Tập I– Đỗ Minh Liên – Lê Thanh Thủy dịch* – ĐHSP Hà Nội.
2. NP. Xa. Culina (1987) *Phương pháp dạy trẻ HĐTH và chấp ghép Tập II – Đỗ Minh Liên – Lê Thanh Thủy dịch* – ĐHSP Hà Nội.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

13.1. Tạo hình:

Câu 1: Giải phẫu tạo hình là gì? Cho biết tỷ lệ thân thể nam giới và tỷ lệ thân thể trẻ em.

Câu 2: Thế nào là trang trí cơ bản? Trình bày các bước tiến hành một bài trang trí hình vuông cơ bản (Minh họa bằng hình vẽ).

Câu 3: Phân biệt trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng.

Câu 4: Trình bày một số đường, điểm cơ bản của luật xa gần (Minh họa bằng hình vẽ).

Câu 5: Vẽ và trình bày các góc độ khối lập phương trên đường tầm mắt.

Câu 6: Vẽ và trình bày các góc độ khối lập phương dưới đường tầm mắt.

Câu 7: Thế nào là họa tiết? Cho biết đặc điểm và các bước tiến hành một bài trang trí đường diềm (Minh họa bằng hình vẽ)

Câu 8: Phân biệt giữa tranh dân gian Đông Hồ và Hàng Trống ?

Câu 9: Nghệ thuật tạo hình là gì? Trình bày về ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình.

Câu 10: Hãy cho biết vai trò của Nghệ thuật tạo hình đối với đời sống con người.

Câu 11: Vẽ phối cảnh có nhà, cây cối theo luật xa gần.

Câu 12: Luật xa gần là gì ? Vẽ phối cảnh có cảnh, người theo luật xa gần.

Câu 13: Phân biệt thể loại vẽ theo đề tài và thể loại vẽ theo ý thích.

Câu 14: Vẽ phối cảnh có người, bàn, ghế theo luật xa gần.

Câu 15: Trang trí cơ bản: Trang trí đường diềm

Yêu cầu: - Kích thước: 8cm x 24 cm

- Họa tiết: có chim muông, hoa lá
- Màu sắc: tùy chọn

Câu 16: Trang trí cơ bản: Trang trí hình vuông

Yêu cầu: - Kích thước: 17cm x 17cm

- Họa tiết: có côn trùng và hoa lá
- Màu sắc: 3 – 4 màu

Câu 17: Trang trí hình tròn

Yêu cầu: - Kích thước: Đường kính 18 cm

- Họa tiết: chim muông và hoa lá
- Màu sắc: 4 đến 5 màu

Câu 18: Trang trí ứng dụng: Vẽ và trang trí cái phích

Yêu cầu: - Kích thước: bố cục trên trang giấy thi.

- Họa tiết: tự do
- Màu sắc: tùy chọn

Câu 19: Vẽ theo đề tài:

Yêu cầu: - Kích thước: 18cm x 25cm

- Đề tài: Lao động sản xuất.
- Màu sắc: Tùy chọn

Câu 20: Trang trí ứng dụng: Thiết kế và trang trí chiếc áo dài Việt Nam.

Yêu cầu: - Kích thước: bố cục trên trang giấy thi.

- Họa tiết: Hoa lá
- Màu sắc: tùy chọn

Câu 21: Vẽ theo đề tài:

Yêu cầu: - Kích thước: 18cm x 25cm

- Đề tài: Phương tiện giao thông.
- Màu sắc: Tùy chọn

13.2. PPTCHĐTH

Câu 1: Soạn một giáo án dạy học vẽ

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: Vẽ theo mẫu
- Độ tuổi: Mẫu giáo bé.

Câu 2: Soạn một giáo án dạy học nặn

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: nặn theo đề tài
- Độ tuổi: Mẫu giáo nhỡ.

Câu 3: Soạn một giáo án dạy học vẽ

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: Vẽ đề tài
- Độ tuổi: Mẫu giáo lớn.

Câu 4: Soạn một giáo án dạy học vẽ

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: Vẽ theo mẫu
- Độ tuổi: Mẫu giáo lớn.

Câu 5: Soạn một giáo án dạy học xé dán

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: xé dán theo mẫu
- Độ tuổi: Mẫu giáo lớn.

Câu 6: Soạn một giáo án dạy học xé dán

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: xé dán theo đề tài
- Độ tuổi: Mẫu giáo nhỏ.

Câu 7: Soạn một giáo án dạy học cắt dán

- Bài dạy: Tùy chọn
- Thể loại: Cắt dán trang trí
- Độ tuổi: Mẫu giáo nhỏ.

Câu 8: Nêu mục đích của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Trình bày vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non. Cho ví dụ.

Câu 9 : Hoạt động tạo hình là gì ?. Trình bày vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Cho ví dụ.

Câu 10: Hoạt động xé cắt dán là gì ? Trình bày nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy học xé cắt dán cho trẻ mẫu giáo.

Câu 11: Thế nào là hoạt động nặn? Trình bày nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy học nặn cho trẻ mẫu giáo.

Câu 12: Hoạt động vẽ là gì? Trình bày nội dung về kiến thức, kỹ năng cần thiết để miêu tả đối tượng theo mẫu.

Câu 13: Thế nào là vẽ theo đề tài ? Trình bày nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy học vẽ theo đề tài cho trẻ mẫu giáo.

Câu 14: Thế nào là vẽ theo mẫu ? Trình bày nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy học vẽ theo mẫu cho trẻ mẫu giáo.

Câu 15: Trình bày đặc điểm hoạt động vẽ của trẻ mẫu giáo.

Câu 16: Trình bày nhiệm vụ chung của các hoạt động vẽ, nặn, xé cắt dán trong trường mầm non.

Câu 17: Trình bày các nguyên tắc xây dựng chương trình cho trẻ mầm non.

Câu 18: Vì sao phải sử dụng thủ thuật vào dạy môn tạo hình cho trẻ mầm non? Cho ví dụ.

Câu 19: Trình bày phương pháp sử dụng lời nói trong dạy học môn tạo hình cho trẻ mầm non.

Câu 20: Trình bày nội dung về kiến thức, kỹ năng cần thiết của thể loại trang trí.

Câu 21: Trình bày phương pháp trực quan trong dạy học môn tạo hình cho trẻ

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG VIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Trần Thị Hoàng Yến

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Việt và Phương pháp dạy học tiếng Việt

Địa chỉ: Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Điện thoại nhà riêng: 038 3565963

2. Tên học phần: TIẾNG VIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

3. Mã học phần: GD294

4. Số tín chỉ : 3 tín chỉ

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 40 tiết
- Thảo luận: 5 tiết
- Tự học: 90 tiết

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- *Về kiến thức:*

1. Một số nội dung cốt lõi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt;
2. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- *Về kỹ năng:*

1. Biết vận dụng các thao tác và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học để giải quyết các bài tập về các hiện tượng trong ngôn ngữ tiếng Việt.
2. Vận dụng được các kiến thức về Lý luận và phương pháp vào quá trình tổ chức các hoạt động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- *Về thái độ:* Thấy được cái hay, cái đẹp của tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong sử dụng và dạy học tiếng Việt cho trẻ lứa tuổi mầm non.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ Đại học (hệ VLVH), dùng cho học viên đã tốt nghiệp hệ Trung cấp sư phạm Giáo dục mầm non. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ

bản về tiếng Việt, lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Từ đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

9. Nội dung chi tiết môn học:

PHẦN 1. TIẾNG VIỆT

(Lý thuyết: 13, Bài tập thực hành: 2, Tự học: 30)

Chương 1: NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT (4 tiết lý thuyết/0 tiết bài tập/10 tự học)

1.1. Khái quát về ngữ âm và ngữ âm học

1.2. Các đơn vị ngữ âm tiếng Việt

Chương 2: TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT

(5 tiết lý thuyết/1 tiết bài tập/12 tiết tự học)

2.1. Khái quát về từ

2.2. Các phương thức cấu tạo từ tiếng Việt

2.3. Các lớp từ vựng tiếng Việt

Chương 3: NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

(4 tiết lý thuyết/1 tiết bài tập/10 tiết tự học)

3.1. Khái quát về ngữ pháp và ngữ pháp học

3.2. Các đơn vị ngữ pháp tiếng Việt

PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

(Lý thuyết: 27 tiết, Bài tập, thực hành: 3 tiết, Tự học: 60 tiết)

Chương 1: NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

(3 tiết lý thuyết/0 tiết bài tập/6 tiết tự học)

1.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ

1.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

1.3. Hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP LUYỆN PHÁT ÂM CHO TRẺ

(4 tiết lý thuyết/0 tiết bài tập/8 tiết tự học)

2.1. Khái niệm phương pháp luyện phát âm cho trẻ

2.2. Nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ

2.3. Hình thức tổ chức hoạt động luyện phát âm cho trẻ

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ

(6 tiết lý thuyết /1 tiết bài tập/14 tiết tự học)

3.1. Khái niệm phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ

3.2. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ

3.3. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ NÓI CÂU ĐÚNG

(4 tiết lý thuyết/0 tiết bài tập/8 tiết tự học)

4.1. Khái niệm phương pháp dạy trẻ nói câu đúng

4.2. Nhiệm vụ dạy trẻ nói câu đúng

4.3. Phương pháp dạy trẻ nói câu đúng

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC CHO TRẺ

(6 tiết lý thuyết/1 tiết bài tập/16 tiết tự học)

5.1. Khái niệm phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ

5.2. Nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ

5.3. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ

Chương 6: PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ LÀM QUEN CHỮ CÁI

(4 tiết lý thuyết/1 tiết bài tập/10 tiết tự học)

6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái

6.2. Yêu cầu, nội dung dạy trẻ làm quen chữ cái

6.3. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái

10. Học liệu:

10.1. Học liệu chính

1. Chu Thị Thuỷ An, *Tiếng Việt 1*, Trường Đại học Vinh, 1995.
2. Trần Thị Hoàng Yến, *Tiếng Việt*, Trường Đại học Vinh, 2013.
3. Trần Thị Hoàng Yến, *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ*, Đại học Vinh, 2008.

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Hồng Thái, *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em*, Nhà XB Giáo dục, 2007.
2. Vụ Giáo dục mầm non, *Chương trình Giáo dục mầm non*, Nhà XB Giáo dục Việt Nam, 2010.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

Phần 1: Tiếng Việt

1. Khái niệm Ngữ âm và ngữ âm học.

2. Trình bày hiểu biết của bạn về các đơn vị ngữ âm tiếng Việt (âm tiết, âm vị).
3. Phân tích khái niệm từ.
4. Trình bày các phương thức cấu tạo từ tiếng Việt (từ hóa hình vị, từ ghép, từ láy).
5. Trình bày các lớp từ vựng tiếng Việt (từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa).
6. Trình bày các đơn vị ngữ pháp tiếng Việt (cụm từ, câu).

Phần 2: Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

1. Phân tích nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
2. Trình bày phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
3. Bạn hãy chỉ ra các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
4. Phân tích nội dung, phương pháp luyện phát âm cho trẻ.
5. Chỉ ra hình thức tổ chức hoạt động luyện phát âm cho trẻ.
6. Phân tích nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ.
7. Trình bày phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ.
8. Nhiệm vụ dạy trẻ nói câu đúng?
9. Nêu các phương pháp dạy trẻ nói câu đúng.
10. Trình bày nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ.
11. Chỉ ra phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ.
12. Ý nghĩa và nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái?
13. Yêu cầu, nội dung dạy trẻ làm quen chữ cái?
14. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái?

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC/TỪ XA, HỆ CAO ĐẲNG
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BỆNH HỌC TRẺ EM

1. Họ và tên giảng viên: Lê Công Phương

Chức danh, học vị: Giảng viên, Bác sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non

Địa chỉ, điện thoại: Tổ Giáo dục Mầm non - Khoa Giáo dục - Trường ĐH Vinh

Điện thoại: 0913504646. Email: lecongphuongdhv@gmail.com

2. Tên môn học: BỆNH HỌC TRẺ EM

3. Mã môn học:

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại môn học: Môn học bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với hoạt động: (37 LT/ 8TH/ 90 Tự học)

- Giảng lý thuyết: 37

- Thực hành, thảo luận trên lớp: 8

- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức.

Trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học và sự hiểu biết chung về các vấn đề sau đây:

- Xác định được đặc điểm bệnh tật ở trẻ em qua các giai đoạn.

- Biết được cách đề phòng và chăm sóc ban đầu đối với một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Biết cách sơ cứu một số tai nạn thường gặp ở trẻ em.

- Xác định được đầy đủ về mục tiêu chương trình giáo dục sức khỏe, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, sách giáo khoa và tài liệu học tập.

* Về kỹ năng.

- Biết vận dụng những tri thức đã học vào công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ cũng như phòng bệnh cho trẻ.

- Biết tìm hiểu và đánh giá thực tế công tác vệ sinh chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ ở cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo. Đồng thời có khả năng xây dựng các hình thức tổ chức chăm sóc giáo dục vệ sinh, đề ra các biện pháp phòng bệnh phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn.

- Biết làm công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe trong cộng đồng.

* Về thái độ.

- Nhận thức được vị trí, vai trò của môn học trong khoá học.
- Ý thức được vai trò, tầm quan trọng của sức khỏe và chăm sóc sức khỏe trẻ em trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung, trẻ em nói riêng.
- Tinh thần, thái độ tích cực, nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu các nội dung, vấn đề môn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần Bệnh học trẻ em bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Những vấn đề chung về Chăm sóc sức khỏe trẻ em
- Vệ sinh chăm sóc trẻ tại trường mầm non
- Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch
- Một số chương trình y tế triển khai ở trường học và các bệnh thường gặp ở trẻ
- Một số cấp cứu ban đầu ở trường học
- Thuốc dụng cụ cho trẻ em

9. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRẺ EM

1. Đặc điểm bệnh tật ở trẻ em qua các giai đoạn phát triển.
2. Chăm sóc trẻ sơ sinh.
3. Miễn dịch.
4. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ .
5. Giáo dục sức khỏe cho trẻ .
6. Khái niệm chung về bệnh.

Chương 2. VỆ SINH CHĂM SÓC TRẺ TẠI TRƯỜNG MẦM NON

1. Tìm hiểu về giáo dục vệ sinh cá nhân
2. Tìm hiểu vệ sinh các giác quan; vệ sinh các cơ quan; Tìm hiểu vệ sinh giới tính
3. Tìm hiểu vệ sinh trang phục
4. Chế độ sinh hoạt ngày và Vệ sinh giấc ngủ
5. Vệ sinh trường học ở cơ sở nuôi dạy trẻ
6. Vi sinh vật gây bệnh

Chương 3. PHÒNG CHỐNG CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

1. Các truyền nhiễm lây qua đường hô hấp.
2. Các truyền nhiễm lây qua đường tiêu hoá.
3. Các truyền nhiễm lây qua đường niêm mạc
4. Các truyền nhiễm lây qua đường máu.
5. Bệnh lao.
6. Bệnh sốt rét.

Chương 4. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ TRIỂN KHAI Ở TRƯỜNG HỌC

1. Chống nhiễm khuẩn đường hô hấp (ARI)
2. Chống tiêu chảy (CDD)

3. Phòng chống HIV/AIDS
4. Bệnh cong vẹo cột sống.
5. Bệnh cận thị-Bệnh sâu răng.
6. Ký sinh trùng đường ruột.
7. Bệnh thấp tim.
8. Viêm cầu thận cấp.
9. Xử lý khi trẻ bị sốt.

Chương 5. PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ TAI NẠN THƯỜNG GẶP Ở TRẺ

1. Cấp cứu khi bị động vật cắn.
2. Một số cấp cứu ngừng thở, ngừng tim, trẻ bị ngộ độc.
3. Chết đuối -Điện giật - Cấp cứu bỏng.
4. Xử lý vết thương.
5. Say nóng - Say nắng - Ngất.
6. Dị vật rơi vào đường ăn và đường thở.

Chương 6. THUỐC VÀ CÁCH DÙNG CHO TRẺ EM

1. Cơ sở khoa học của việc dùng thuốc.
2. Vitamin và thuốc bồi dưỡng cơ thể.
3. Cách dùng thuốc cho trẻ em.

10. Học liệu:

Giáo trình:

1. BS-Lê Công Phụng, Bệnh học trẻ em, Tủ sách trường Đại học Vinh, 2006.

Tài liệu tham khảo:

1. TS Nguyễn Thị Hương và BS-Lê Công Phụng, *Chuyên đề* Giáo dục sống khỏe mạnh và kỹ năng sống, Dự án Phát triển giáo viên tiểu học, Hà Nội, 2007.
2. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe học sinh - Nhà xuất bản y học.
3. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe trẻ em tại cộng đồng - Nhà xuất bản y học, 1998.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập (Đề nghị Giảng viên biên soạn hệ thống câu hỏi ôn tập và ngân hàng đề thi sẽ biên soạn trên cơ sở các câu hỏi này)

Phần A: loại câu 5 điểm

Câu 1: Qua nghiên cứu đặc điểm phát triển về sinh lý, thể chất, về tâm lý, tinh thần, trí tuệ ở các giai đoạn có ý nghĩa gì trong công tác giáo dục?

Câu 2: Qua nghiên cứu hệ miễn dịch không đặc hiệu nó có ý nghĩa gì trong công tác chăm sóc và nuôi dạy trẻ?

Câu 3: Qua nghiên cứu hệ miễn dịch đặc hiệu nó có ý nghĩa gì trong công tác chăm sóc và nuôi dạy trẻ?

Câu 4: Trình bày những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em.

Câu 5: Qua nghiên cứu tiêu chuẩn vệ sinh trong phòng học nó có ý nghĩa gì đối với người giáo viên trong công tác giảng dạy?

Phần B: loại câu 3 điểm

Câu 1: Hãy trình bày nguyên nhân, triệu chứng, điều trị và phòng bệnh sốt xuất huyết.

Câu 2: Hãy trình bày nội dung công tác vệ sinh giới tính cho trẻ.

Câu 3: Hãy trình bày nguyên nhân, triệu chứng, điều trị và phòng bệnh viêm gan virus.

Câu 4: Hãy trình bày nguyên nhân, triệu chứng, điều trị và phòng bệnh sởi.

Câu 5: Hãy trình bày nguyên nhân, triệu chứng, điều trị và phòng bệnh cúm.

Phần C: loại câu 2 điểm

Câu 1: Hãy trình bày khái niệm và nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Câu 2: Hãy trình bày cách xử lý khi trẻ bị sốt.

Câu 3: Hãy nêu nguyên nhân và cách phòng bệnh cận thị.

Câu 4: Hãy trình bày khái niệm và cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt ngày.

Câu 5: Hãy trình bày những biểu hiện chính và cách xử lý khi trẻ bị ngộ độc.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG
QUANH

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu Hạnh**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

Địa chỉ: Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại nhà riêng:

2. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

3. Mã học phần: GD201

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 40 tiết
- Thảo luận: 05 tiết
- Tự học: 90 giờ

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- *Về kiến thức:*

- Trang bị cho sinh viên ngành GDMN những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học cho trẻ khám phá môi trường xung quanh (MTXQ) với tư cách là một môn học bắt buộc trong nhà trường sư phạm. Đó là các vấn đề về: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức, các phương tiện- điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch và cách tổ chức thực hiện những nội dung cho trẻ khám phá MTXQ theo từng độ tuổi và từng chủ đề, chủ điểm.

- *Về kỹ năng:*

Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc cho trẻ khám phá MTXQ. Đó là những kỹ năng:

- Tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa, sách tham khảo...
- Tìm hiểu đối tượng trẻ trong nhóm, lớp mà mình phụ trách.

- Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ.

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá công tác tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

- Phát triển năng lực tự nghiên cứu, tự đào tạo, có khả năng thích ứng nhanh với công việc và sự thay đổi của chương trình, sách giáo khoa. Có khả năng viết các sáng kiến kinh nghiệm.

- Về thái độ:

Giáo dục cho sinh viên ý thức, trách nhiệm trong công việc, bồi dưỡng hứng thú và tính tích cực học tập và góp phần rèn luyện những phẩm chất đạo đức cần thiết của người giáo viên như: lòng yêu nghề, mến trẻ, tính kiên trì, cẩn thận.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này đề cập những vấn đề về lý luận của việc cho trẻ khám phá MTXQ như: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện cho trẻ khám phá MTXQ. Ngoài ra còn giúp SV thực hành để rèn luyện các kỹ năng như: Lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức, kỹ năng đánh giá các hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

Những vấn đề chung về bộ môn “PP tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ”

(Lý thuyết: 04/Thảo luận: 0/Tự học 08)

1.1. Những vấn đề chung về môn học

1.1.1 Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.1.2. Nhiệm vụ của môn học

1.1.3. Nguyên tắc xây dựng môn học “Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ”

1.1.4. Lịch sử phát triển môn học

1.2 Những vấn đề chung về việc cho trẻ khám phá MTXQ

1.2.1 Đặc điểm nhận thức về MTXQ của trẻ mầm non

1.2.2 MTXQ và việc giáo dục trẻ em

1.3. Mục đích của việc cho trẻ làm quen môi trường xung quanh

1.4. Nhiệm vụ cho trẻ làm quen môi trường xung quanh

1.4.1 Cung cấp, củng cố những hiểu biết đơn giản, sơ đẳng về các sự vật hiện tượng quen thuộc, gần gũi trong MTXQ

1.4.2 Hình thành rèn luyện phát triển các kỹ năng nhận thức cơ bản

1.4.3 Giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, lao động cho trẻ

1.4.4 Hình thành, rèn luyện nếp sống văn minh, vệ sinh cho trẻ

1.4.5 Phát huy tính tích cực, sáng tạo cho trẻ

1.5. Nguyên tắc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

- 1.5.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích
- 1.5.2. Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan, thẩm mỹ
- 1.5.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và hệ thống
- 1.5.4. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn
- 1.5.5. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức
- 1.5.6. Nguyên tắc đảm bảo tính tích cực, chủ động sáng tạo của trẻ

Chương 2

Nội dung cho trẻ khám phá với môi trường xung quanh

(Lý thuyết: 10 /Thảo luận: 1/Tự học 22)

2.1. Nội dung cho trẻ nhà trẻ khám phá môi trường xung quanh

- 2.1.1 Giai đoạn trẻ từ 3 – 12 tháng
- 2.1.2 Giai đoạn trẻ từ 12 – 24 tháng
- 2.1.3 Giai đoạn trẻ từ 24 – 36 tháng
- 2.2 Nội dung cho trẻ mẫu giáo khám phá môi trường xung quanh
 - 2.2.1 Trẻ mẫu giáo bé (3 – 4 tuổi)
 - 2.2.2 Trẻ mẫu giáo nhỡ (4 – 5 tuổi)
 - 2.2.3 Trẻ mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi)

Chương 3

Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

(Lý thuyết: 10/Thảo luận: 01/Tự học 22)

- 3.1. Nhóm phương pháp trực quan
 - 3.1.1 Phương pháp quan sát
 - 3.1.2 Biện pháp sử dụng đồ dùng trực quan
- 3.2. Nhóm phương pháp dùng lời
 - 3.2.1 Phương pháp đàm thoại
 - 3.2.2 Biện pháp trò chuyện, giải thích, sử dụng lời nói diễn cảm
 - 3.2.3 Biện pháp sử dụng đọc thơ chuyện, câu đố, kể chuyện, hát
- 3.3. Nhóm phương pháp thực hành
 - 3.3.1 Phương pháp trò chơi
 - 3.3.2 Phương pháp thí nghiệm, thử nghiệm
 - 3.3.3 Biện pháp tổ chức lao động
 - 3.3.4 Biện pháp sử dụng các hình thức tạo hình như: Vẽ, nặn, xé dán,...
- 3.4. Mối quan hệ giữa các phương pháp, biện pháp

Chương 4

Hình thức và phương tiện tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

(Lý thuyết: 10/Thảo luận: 01/Tự học 22)

4.1 . Hình thức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

4.1.1 Hình thức hoạt động học (Tiết học)

4.1.2 Hình thức vui chơi

4.1.3 Hình thức hoạt động ngoài trời

4.1.4 Hình thức tham quan

4.1.5 Hình thức lao động

4.1.6 Thông qua các hình thức trong chế độ sinh hoạt hàng ngày

4.2 Phương tiện và điều kiện cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

4.2.1 Sự phối hợp các nhân tố: gia đình - nhà trường - xã hội

4.2.2 Xây dựng môi trường hoạt động ở trường mầm non

4.3 Đánh giá hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

Chương 5

Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

(Lý thuyết: 06/Thảo luận, BT: 03/Tự học 18)

5.1 Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

5.1.1. thiết kế mạng chủ đề tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ

5.1.2. Soạn giáo án các hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ

5.2 Thực hành tổ chức các tiết học cho trẻ khám phá môi trường xung quanh

10. Học liệu:

▪ Tài liệu chính

[1]. Hoàng Thị Phương, Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen MTXQ, Nxb ĐHSP, 2009

[2]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, NxbGD, 2006

▪ Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Thu Hạnh, Một số biện pháp tăng cường hứng thú cho trẻ MG 5- 6 tuổi trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với thế giới thực vật, Tạp chí giáo dục, tháng 9 năm 2009.

[2]. Nguyễn Thị Thu Hạnh, Quy trình sử dụng PP quan sát kết hợp thảo luận nhóm trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen MTXQ, Tạp chí giáo dục tháng 11 năm 2011

[3]. Nguyễn Thị Thu Hạnh, Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi thông qua hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh, đề tài cấp trường, ĐHV 2012

[4]. Vụ Giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục mầm non, Nxb Giáo dục, 2013.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên phải tham gia nghe giảng và thảo luận ít nhất 75% số tiết quy định của học phần.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ, hoàn thành các bài tập theo quy định.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra giữa học phần
- Dự thi kết thúc học phần: 1 bài.

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Phân tích đặc điểm nhận thức về MTXQ của trẻ mầm non. Từ những đặc điểm đó rút ra những kết luận sư phạm cần thiết trong quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 2: Phân tích mục đích của việc tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 3: Phân tích các nhiệm vụ cụ thể khi tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 4: Trình bày các nguyên tắc cho trẻ khám phá MTXQ Câu 5: So sánh nội dung cho trẻ khám phá MTXQ của trẻ từng độ tuổi.

Câu 6: Trình bày khái niệm, mục đích và cách tiến hành sử dụng các phương pháp, biện pháp trong quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 7: Lựa chọn một số đề tài cụ thể và trình bày việc hướng dẫn cho trẻ quan sát, đàm thoại để tìm hiểu về đối tượng.

Câu 8: Thiết kế một số trò chơi để tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 9: Phân tích mục đích, ý nghĩa và cách tiến hành các hình thức tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ: Tiết học, Hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, tham quan, tổ chức lao động.

Câu 10: Phân tích việc vận dụng nguyên tắc tích hợp trong quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 11: Phân tích các phương tiện và điều kiện tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.

Câu 12: Lập kế hoạch tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ theo từng độ tuổi (Xây dựng mạng chủ đề và soạn giáo án tất cả các chủ đề theo chương trình giáo dục mầm non).

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

2. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Trần Thị Thúy Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục mầm non

Địa chỉ: Xóm 23 – Nghi Phú – TP Vinh

Điện thoại nhà riêng: 0912319580

2. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

3. Mã học phần:

4. Số tín chỉ :3

5. Loại học phần:Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 45

- Thực hành: 5

- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

*** Kiến thức:**

Trang bị cho học viên những kiến thức chung nhất về lý luận giáo dục thể chất mầm non, cũng như những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non qua các độ tuổi.

*** Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu Chương trình giáo dục trẻ mầm non, các tài liệu tham khảo có liên quan...

- Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non.

- Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về giáo dục thể chất mầm non, viết sáng kiến kinh nghiệm.

*** Thái độ:**

- Rèn luyện thái độ nghiêm túc, chuyên cần của học viên trong học tập và ý thức trách nhiệm cao của họ đối với việc rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non.

- Bồi dưỡng tình cảm tình yêu nghề, yêu trẻ, rèn luyện những phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này gồm:

- Phần lý luận về giáo dục thể chất mầm non (*chương 1,2,3,4*) đề cập những vấn đề về chung về lý luận giáo dục thể chất mầm non, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất mầm non, nội dung và các phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục thể chất mầm non

- Phần hướng dẫn thực hiện các nội dung giáo dục thể chất mầm non (*chương 5*) như bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản, cũng như thực hành tổ chức một số hình thức giáo dục thể chất mầm non qua các độ tuổi (tiết học thể dục, thể dục sáng, trò chơi vận động)

9. Nội dung chi tiết môn học:

PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

(Tỉ lệ LT/TL/TH: 40/2/80)

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÝ LUẬN GIÁO DỤC THỂ CHẤT MẦM NON

1. Khái quát về sự phát triển "Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất mầm non"
 - 1.1. Sự phát triển hệ thống giáo dục thể chất.
 - 1.2. Sự phát triển hệ thống GDTC ở Việt Nam:
 - 1.3. Sự phát triển "Lý luận và phương pháp GDTCMN"
2. Đặc điểm phát triển sinh lý - vận động của trẻ mầm non.
 - 2.1. Đặc điểm sinh lý của trẻ mầm non.
 - 2.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non
3. Mục đích của giáo dục thể chất mầm non
 - 3.1. Cơ sở để xác định mục đích GDTC mầm non
 - 3.2. Mục đích GDTC mầm non
4. Nhiệm vụ của giáo dục thể chất mầm non
 - 4.1. Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe
 - 4.2. Nhiệm vụ giáo dục
 - 4.3. Nhiệm vụ giáo dục
5. Các nguyên tắc giáo dục thể chất mầm non
 - 5.1. Nguyên tắc toàn diện và hệ thống
 - 5.2. Nguyên tắc tích cực và tự giác
 - 5.3. Nguyên tắc trực quan kết hợp với lời nói và thực hành
 - 5.4. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt

- 5.5. Nguyên tắc phát triển (nâng cao dần yêu cầu).
- 5.6. Nguyên tắc phối hợp các hình thức giảng dạy.
- 5.7. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong tập luyện

Chương 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

2.1. Nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non

2.1.1. Nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe chung

2.2.2. Nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cụ thể

2.2. Nội dung phát triển vận động

2.2.1. Bài tập phát triển chung

2.2.2. Bài tập vận động cơ bản

2.2.3. Bài tập đội hình đội ngũ

2.2.4. Bài tập phát triển cơ bàn tay, ngón tay

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

3.1. Quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non

3.1.1. Khái niệm kỹ năng, kỹ xảo:

3.1.2. Quy luật hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động:

3.1.3. Các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non

3.2. Các phương pháp GDTC mầm non

3.2.1. Cơ sở để phân loại các phương pháp GDTC

3.2.2. Nhóm phương pháp trực quan

3.2.3. Nhóm phương pháp dùng lời

3.2.4. Nhóm phương pháp thực hành

Chương 4: HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG TIỆN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

4.1. Các hình thức GDTC MN

4.1.1. Hoạt động chung phát triển vận động

4.1.1.1. Là hình thức cơ bản nhất

4.1.1.2. Phân loại hoạt động chung phát triển vận động

4.1.1.3. Nội dung và cấu trúc của hoạt động chung

4.1.1.4. Yêu cầu và chuẩn bị của hoạt động chung

4.1.2 Thể dục sáng

4.1.3. Trò chơi vận động

4.1.4. Phút thể dục

4.1.5. Đạo chơi

4.1.6. Tham quan

4.1.7. Hội khỏe

4.1.8. Phát triển vận động ở mọi lúc mọi nơi

4.2. Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

4.2.1. Các yếu tố vệ sinh

4.2.1. Các yếu tố thiên nhiên

4.2.3. Bài tập vận động

PHẦN 2: THỰC HÀNH PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

(5/3/10)

Chương 5: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

5.1. Hướng dẫn tập bài tập đội hình đội ngũ

5.2. Hướng dẫn tập bài tập phát triển chung

5.3. Hướng dẫn tập vận động cơ bản

5.4. Hướng dẫn trò chơi vận động

5.5. Hướng dẫn thể dục sáng

5.6. Hướng dẫn soạn giáo án tiết thể dục và thực thi các giáo án đã chuẩn bị

10. Học liệu:

10.1. Tài liệu chính

[1] Đặng Hồng Phương(2009),*Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*. Tài liệu dùng cho hệ đào tạo từ xa, trình độ đại học sư phạm GDMN. Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Hà Nội

[2] Nguyễn Thị Mỹ Trinh(2007), *Phương pháp Giáo dục thể chất mầm non*. Tài liệu dùng cho hệ đào tạo tại chức, trình độ đại học sư phạm GDMN. ĐH Vinh.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Kim Tuyền, Trần Tân Tiến, Nguyễn Thị Thư, *Phương pháp giáo dục thể chất*. Bộ GD & ĐT. Trung tâm nghiên cứu giáo viên, Hà nội, 1995

[2] Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Bùi Thị Việt(2016), *Hướng dẫn các bài tập vận động cơ bản cho trẻ mẫu giáo*, NXB Giáo dục Việt Nam

[3] Bộ giáo dục và đào tạo(2010),*Chương trình giáo dục mầm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non các độ tuổi,NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.

- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

Câu 1: phân tích các đặc điểm phát triển sinh lý- vận động của trẻ em lứa tuổi mầm non

Câu 2: Tìm hiểu sự phát triển của môn học và mối liên hệ của nó với một số ngành khoa học khác có liên quan.

Câu 3: Mục đích giáo dục thể chất mầm non qua các độ tuổi trong Chương trình giáo dục mầm non hiện hành

Câu 4: Phân tích và lấy được ví dụ về sự vận dụng các nguyên tắc giáo dục thể chất mầm non trong thực tiễn Giáo dục mầm non.

Câu 5: Phân tích các nhiệm vụ giáo dục thể chất trong quá trình dạy vận động cho trẻ ở trường mầm non.

Câu 6: Nội dung giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non trong Chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

Câu 7: Nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non trong Chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

Câu 8: Tìm hiểu việc vận dụng các hình thức giáo dục thể chất mầm non trong thực tiễn.

Câu 9: Tự xác định đúng các phương pháp trọng tâm và hỗ trợ khi triển khai các nội dung GDTC mầm non qua các độ tuổi, cũng như trình tự sử dụng các phương pháp được lựa chọn.

Câu 10: Thực hành các phương pháp giáo dục thể chất mầm non

Câu 11: Tìm hiểu việc sử dụng chuyên biệt và kết hợp các phương tiện giáo dục thể chất mầm non trong thực tiễn chăm sóc- giáo dục trẻ.

Câu 12: Tìm hiểu Chương trình giáo dục thể chất qua các độ tuổi mầm non

Câu 13: Thực hành các hình thức giáo dục thể chất mầm non

Câu 14: Soạn các giáo án về GDTC mầm non.

Câu 15: Tiến hành tập lên lớp trên cô, thực hành trên trẻ với 3 hình thức: hoạt động học phát triển vận động; thể dục sáng; trò chơi vận động (hay dạo chơi hoặc tham quan)

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC/TỪ XA
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ

1. Thông tin chung về giảng viên:

Họ và tên: Phạm Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Giáo dục mầm non

Địa chỉ: Nhà 10, ngõ 4, khối Phúc tân, Phường Vinh tân, TP Vinh, Nghệ an.

Điện thoại nhà riêng: 0988 704 446

2. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ

3. Mã học phần: GD196

4. Số tín chỉ : 3

5. Loại học phần: bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 40
- Thảo luận/ Thực hành: 5
- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần, học viên sẽ có:

7.1. Về kiến thức:

Củng cố, bổ sung và nâng cao cho học viên ngành GDMN những kiến thức chung nhất về lý luận dạy học hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non với tư cách là một ngành khoa học và là một môn học bắt buộc trong nhà trường sư phạm. Đó là các vấn đề về quá trình hình thành biểu tượng toán cho trẻ.

7.2. Về Kỹ năng: Rèn luyện những kỹ năng cơ bản về việc HTBT toán cho trẻ mầm non. Đó là những kỹ năng:

- Tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa, sách tham khảo...
- Tìm hiểu đối tượng trẻ trong nhóm, lớp mà mình phụ trách.
- Rèn luyện và phát triển các kỹ năng tổ chức và tiến hành hoạt động HTBT toán cho trẻ cũng như đánh giá việc tổ chức hoạt động này của các đồng nghiệp.
- Phát triển năng lực tự nghiên cứu, tự đào tạo, có khả năng thích ứng nhanh với công việc và sự thay đổi của chương trình, sách giáo khoa. Có khả năng viết các sáng kiến kinh nghiệm.

7.3. Về Thái độ:

- Góp phần bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non.

- Góp phần giáo dục học viên ý thức, trách nhiệm trong công việc.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

- Sơ lược những vấn đề cơ bản, cốt lõi về mặt lý luận của hoạt động hình thành biểu tượng toán: bản chất, ý nghĩa, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức để hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.

- Hướng dẫn tổ chức hình thành các biểu tượng về tập hợp-con số- phép đếm; hình dạng vật thể; kích thước vật thể; định hướng không gian; định hướng thời gian cho trẻ mầm non.

9. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ VIỆC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ

(4LT/20Tự học)

- 1.1. Bản chất của quá trình HTBT toán cho trẻ mầm non.
- 1.2. Vai trò của việc HTBT toán cho trẻ mầm non.
- 1.3. Nhiệm vụ của việc HTBT toán cho trẻ mầm non.
- 1.4. Đặc điểm của quá trình HTBT toán cho trẻ mầm non.
- 1.5. Các nguyên tắc HTBT toán cho trẻ mầm non.

Bài 2

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP. HÌNH THỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ

(6LT/20Tự học)

- 2.1. Nội dung chương trình "Hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non"
- 2.2. Hệ thống các phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.
 - 2.2.1. Nhóm phương pháp trực quan
 - 2.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời
 - 2.2.3. Nhóm phương pháp thực hành
- 2.3. Các hình thức hình thành biểu tượng toán cho trẻ
 - 2.3.1. Hình thức “tiết học”
 - 2.3.2. Hình thức “ngoài tiết học”

Bài 3

TỔ CHỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ TẬP HỢP, CON SỐ VÀ PHÉP ĐẾM CHO TRẺ

(6LT/1TH/10 Tự học)

- 3.1. Khái niệm tập hợp, con số và phép đếm.

3.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về tập hợp con số và phép đếm cho trẻ mẫu giáo.

3.2.1. Đối với trẻ 3-4 tuổi

3.2.2. Đối với trẻ 4-5 tuổi

3.2.3. Đối với trẻ 5-6 tuổi

Bài 4

TỔ CHỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ KÍCH THƯỚC VẬT THỂ CHO TRẺ

(6LT/1TH/10 Tự học)

4.1. Khái niệm về kích thước vật thể.

4.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về kích thước vật thể cho trẻ mầm non

4.2.1. Đối với trẻ 24-36 tháng

4.2.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi

4.2.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi

4.2.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi

Bài 5

TỔ CHỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ HÌNH DẠNG VẬT THỂ CHO TRẺ

(6LT/1TH/10 Tự học)

5.1. Khái niệm hình dạng vật thể và hình hình học.

5.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về hình dạng vật thể cho trẻ mầm non.

5.2.1. Đối với trẻ 24-36 tháng

5.2.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi

5.2.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi

5.2.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi

Bài 6

TỔ CHỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN CHO TRẺ

(6LT/1TH/10 Tự học)

6.1. Khái niệm về không gian và định hướng không gian.

6.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ mẫu giáo.

6.2.1. Đối với trẻ 3-4 tuổi

6.2.2. Đối với trẻ 4-5 tuổi

6.2.3. Đối với trẻ 5-6 tuổi

Bài 7

TỔ CHỨC HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN CHO TRẺ

(6LT/1TH/10 Tự học)

7.1. Khái niệm về thời gian và định hướng thời gian.

7.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng thời gian cho trẻ mẫu giáo.

7.2.1. Đối với trẻ 3-4 tuổi

7.2.2. Đối với trẻ 4-5 tuổi

7.2.3. Đối với trẻ 5-6 tuổi

10. Học liệu:

- Chương trình giáo dục mầm non (ban hành 2009)

- Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ các độ tuổi 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

- Đỗ Thị Minh Liên- Phương pháp hình thành biểu tượng Toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non- NXB ĐHS, năm 2003.

- Đinh Thị Nhung- Toán và Phương pháp hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ mẫu giáo (tập 1, 2)- NXBĐHQG Hà nội, 2000.

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.

- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.

- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.

- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 – Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

Câu hỏi 1: Trình bày ý nghĩa, vai trò của việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ.

Câu hỏi 2: Nêu các nguyên tắc hình thành biểu tượng toán cho trẻ. Trong các nguyên tắc đó, nguyên tắc nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Câu hỏi 3: Phân tích sự phát triển của nội dung hình thành biểu tượng toán cho trẻ. Cho ví dụ minh họa.

Câu hỏi 4: Làm sáng tỏ nhận định rằng: trong hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ, các phương pháp được kết hợp với nhau một cách linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo.

Câu hỏi 5: Chỉ ra ưu điểm và nhược điểm của các hình thức tổ chức hình thành biểu tượng toán. Từ đó, chỉ rõ sự cần thiết phải kết hợp các hình thức với nhau.

Câu hỏi 6: Soạn một giáo án hình thành biểu tượng về tập hợp, con số và phép đếm cho trẻ mầm non.

Câu hỏi 7: Soạn một giáo án hình thành biểu tượng về hình dạng vật thể cho trẻ mầm non.

Câu hỏi 8: Soạn một giáo án hình thành biểu tượng về kích thước vật thể cho trẻ mầm non.

Câu hỏi 9: Soạn một giáo án hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ mầm non.

Câu hỏi 10: Soạn một giáo án hình thành biểu tượng về định hướng thời gian cho trẻ mầm non.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON

1. Thông tin chung về giảng viên

1.1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý giáo dục

Địa chỉ: Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915537188

1.2. Họ và tên: Nguyễn Như An

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Lý luận và lịch sử giáo dục học

Địa chỉ:

Điện thoại nhà riêng: 0912742787

2. Tên học phần: QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON

3. Mã học phần: GD...

4. Số tín chỉ : 02

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Giảng lý thuyết: 25

- Thảo luận: 5

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:** Học phần cung cấp hệ thống kiến thức quản lý ngành GDMN, hình thành cho người học tri thức lý luận và thực tiễn về công tác quản lý ngành GDMN.

- **Kỹ năng:** Học phần hình thành cho người học kỹ năng phân tích đặc điểm ngành học, các bước, lập kế hoạch, tổ chức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý trường mầm non.

- **Thái độ:** Học phần giúp người học có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của hoạt động quản lý ngành GDMN đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH; hình thành tình cảm nghề nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý ngành GDMN gồm: Mục đích, ý nghĩa công tác quản lý ngành GDMN; Những nguyên tắc, phương pháp

quản lý trường Mầm non; Cơ cấu tổ chức - quản lý trường Mầm non; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của các nhân cách tham gia vào công tác quản lý nhà trường; Nội dung công tác quản lý của hiệu trưởng và GVMN.

9. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về công tác quản lý

- 1.1. Ý nghĩa của công tác quản lý
- 1.2. Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục và quản lý giáo dục Mầm non
- 1.3. Chức năng của quản lý GDMN
- 1.4. Hệ thống các nguyên tắc quản lý GDMN
- 1.5. Các phương pháp quản lý GDMN
- 1.6. Phong cách QL

Chương 2. Công tác quản lý trường Mầm non

- 2.1. Đặc điểm của công tác quản lý trường Mầm non
- 2.2. Quản lý nhà nước đối với ngành học
- 2.3. Hiệu trưởng, chủ thể quản lý trường Mầm non
- 2.4. Giáo viên quản lý nhóm, lớp

Chương 3. Một số vấn đề chỉ đạo hoạt động giáo dục Mầm non ở các cấp

- 3.1. Ý nghĩa công tác quản lý chỉ đạo hoạt động Mầm non của các cấp
- 3.2. Những nội dung quản lý chủ yếu
- 3.3. Các biện pháp chỉ đạo hoạt động GDMN ở các cấp

10. Học liệu

10.1. Học liệu chính

- [1]. Bộ môn Quản lý giáo dục (2014), Bài giảng Công tác quản lý ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Vinh
- [2]. Thái Văn Thành (2007), QLGD và Quản lý nhà trường, Nxb ĐH Huế.

10.2. Học liệu tham khảo

- [1]. Phạm Thị Châu (1993), Công tác quản lý GDMN, Nxb Giáo dục.
- [2]. Phạm Thị Châu (Chủ biên) (2002), Một số vấn đề Quản lý giáo dục Mầm non. Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Đinh Văn Vang - Một số vấn đề quản lý trường Mầm non

11. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 75% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá thái độ học tập của học viên).

12. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Điểm kiểm tra, bài tập, tiểu luận giữa học phần chiếm tỉ lệ 3/10.
- Thi kết thúc học phần chiếm tỉ lệ 7/10 - Thi tự luận.

Thang điểm: 10

13. Câu hỏi ôn tập

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt